NHAÁT THIEÁT AÂM NGHÓA KINH

*Sa-moân phieân dòch kinh Tueä Laâm soaïn.*

# QUYEÅN 4

(AÂm kinh Ñaïi Baùt-nhaõ, töø quyeån 350 ñeán quyeån 409)

# KINH ÑAÏI BAÙT-NHAÕ BA-LA-MAÄT-ÑA QUYEÅN 350

Tuï maït (聚 沫).Ngöôïc laïi aâm treân laø tình duï 情 喻. Khaûo Thanh cho raèng: Nhoùm hoïp laïi. Vaän Anh Taäp cho laø hoäi hôïp laïi ñoâng ñaûo. Thuyeát Vaên noùi raèng: Nhoùm hôïp. Chöõ vieát töø boä phaùi 派 thanh thuû 取 .

AÂm phaùi 派 laø aâm ngaâm 吟 . Ngöôïc laïi aâm döôùi laø ma baùt 摩 缽 . Vaên

Ngoïc Thieân cho laø Vaät noåi treân maët nöôùc. Trang Töû cho raèng: Nöôùc soâi tuoân voït ra noåi leân maët. Chöõ vieát töø boä thuûy thanh maït 末.

Phuø baøo (浮 泡). Ngöôïc laïi aâm treân phuï voâ 輔 無. Quaûng Nhaõ cho laø troâi noåi. Trònh Huyeàn chuù giaûi saùch Leá Kyù raèng: Vaät ôû treân goïi laø phuø 浮 (noåi). Giaû Quyø chuù giaûi saùch Quoác ngöõ raèng: Nheï noåi leân treân.

Thuyeát Vaên cho laø troâi theo doøng nöôùc. Chöõ vieát töø boä thuûy thanh phuø 孚. AÂm ngoâ 吳, ngöôïc laïi aâm baïc möu 薄 謀. Nay khoâng laáy aâm döôùi. Ngöôïc laïi aâm phoå bao 普 包 . Khaûo Thanh cho laø Boït nöôùc noåi leân treân maët nöôùc. Thuyeát Vaên noùi chöõ vieát töø boä thuûy thanh bao 包.

Ba tieâu (芭 蕉). Ngöôïc laïi aâm treân laø boå da 補 耶. AÂm döôùi laø töû dieâu 子 姚. Tieâu (蕉) laø loaïi caây moïc giao nhau nhö ngoùn chaân, laø lôùn

nhö chieác chieáu, coù theå naáu thöùc aên vaø deät ñan meàn maïi voõng ñöa, laø m taám boá traõi ngoài. Cuõng coù theå noåi boït nöôùc leân, laù raát roäng, khoaõng hai ba thöôùc, daøi baûy taùm thöôùc. Thuyeát Vaên noùi raèng: Caây moïc raát töôi toát um tuøm, cuõng nghóa laø tieàu tuïy, gaày goø, khoán khoå. Chöõ vieát töø boä thaûo

草 ñeán boä ba 巴 ñeàu thanh thuùc. Chöõ ñuùng theå vieát tieàu. Nay vaên thöôøng duøng vieát theo töông truyeàn tieàu 蕉, laø boån chöõ chaúng phaûi.

Taán toác ( 迅 速 ). Ngöôïc laïi aâm duaãn tuaán 尹 俊 . Theo saùch Nhó Nhaõ cho raèng: Taán (迅) laø raát mau. Thuyeát Vaên noùi chöõ vieát töø boä xöôùc

辵 thanh taán 丮, aâm taán 丮 laø aâm tín 信. Ngöôïc laïi aâm döôùi laø toá loäc 素祿 . Nhó Nhaõ cho laø cuõng raát mau choùng. Khaûo Thanh cho laø Keâu goïi ñeán. Thuyeát Vaên cho raèng: Chöõ vieát töø boä xöôùc 辵 thanh toác aâm xöôùc 辵. Ngöôïc laïi aâm söûu löôïc 丑 略.

Töôøng bích (牆 壁). Ngöôïc laïi aâm treân laø tònh döông 淨 陽, hoaëc laø vieát laø töôøng 墻. Coá Daõ Vöông cho laø böùc töôøng phaúng. Theo Töï Thö

cho raèng: Xaây ñaát goïi laø töôøng, beän caây goã truùc laø m vaùch töôøng goïi laø bích 壁. Thuyeát Vaên cho laø Chöõ vieát töø boä töôøng 薔 thanh töôøng 爿, aâm töôøng 薔 laø aâm saéc töôøng 色 爿. Ngöôïc laïi aâm töông döông 將 羊. Trong vaên kinh vieát töø boä thoå 土 vieát töôøng 墻 laø chaúng ñuùng. Ngöôïc laïi aâm döôùi laø ly mòch 离 覓. Ñoã Döï chuù giaûi Taû Truyeän raèng: Xaây moät baéc

töôøng. Töï Thö cho raèng: loä ra ngoaøi goïi laø töôøng, ôû trong nhaø goïi laø bích cuõng goïi laø töôøng. Thuyeát Vaên noùi raèng: Chöõ vieát töø boä bích töø nghieãm

广 thanh tích 辟, aâm nghieåm 儼.

Nhö lieäu (如 燎). Ngöôïc laïi aâm lieäu dieâu lieäu ñieåu 遼 銚 遼 鳥, hai aâm, ñeàu thoâng duïng. Theo saùch Chu Leã cho raèng: Caây neán tröôùc phaàn

moät ñaõ chaùy lan ra tröôùc theàm. Trònh Chuùng cho raèng: laáy coû gai laø m caây ñuoác. Trònh Huyeàn cho raèng: do phaàn moä lôùn, neân caây neán lôùn, ôû beân ngoaøi cöûa neân goïi laø caây neán lôùn, beân trong cöûa goïi laø caây neán trong saân, ñeàu laø m cho chieáu saùng qua caùc phaàn moä khaùc roõ raøng hôn.

theo Taäp Huaán Truyeän cho raèng: Thieâu ñoát cuõi cuùng teá trôøi. Thuyeát Vaên noùi laø Phoùng hoûa. Chöõ vieát töø boä hoûa thanh lieäu 寮. Chöõ lieäu 寮 laø töø boä hoûa ñeán boä thaän, aâm thaän laø aâm thaän 慎 laø chöõ coå.

Tieâu tuyeát ( 銷 雪 ). AÂm treân laø 消 tieâu. Vöông Daät chuù giaûi saùch Sôû Töø cho laø Tieâu dieät. Ngoïc Thieân cho laø taùn thaát. Thuyeát Vaên cho laø Nung kim loaïi cho chaûy ra. Chöõ vieát töø boä kim 金 thanh tieâu 肖 , hoaëc vieát trieâu 梢 naøy cuõng thoâng duïng ñoàng nghóa.

Moân ma (捫 摩). AÂm treân laø moân 門. Theo Thanh Loaïi cho raèng: Moân (捫) laø sôø moù. Taäp Huaán Truyeän cho raèng: Laáy tay sôø moù lau chuøi, chaø saùt. Thuyeát Vaên cho laø An uûi, voã veà, göõi laïi. Chöõ vieát töø boä thuû 手thanh moân 門.

AÅn teá (隱 蔽). Ngöôïc laïi aâm treân laø ö caån 於 謹. Quaûng Nhaõ cho raèng: AÅn laø bò che ngaên. Hieáu Thanh cho laø Giaáu kín, che kín, saâu xa.

Theo saùch Luaän Ngöõ cho laø aån giaáu, chöùng phaùp goïi laø chöùa trong loøng

khoâng döùt goïi laø aån beân trong. Thuyeát Vaên cho laø Che ñaäy. Chöõ vieát töø boä phuï 阜 thanh aån. Trong vaên kinh vieát töø boä vieát thaønh chöõ aån 隱laø sai laàm. Ngöôïc laïi aâm döôùi laø ti dueä 卑 袂 . Coá Daõ Vöông cho raèng: Teá (蔽) laø toái taêm khoâng saùng suoát. Ñoã Döï chuù giaûi Taû Truyeän raèng:

bò ngaên che. Quaûng Nhaõ cho laø AÅn kín. Khaûo Thanh cho laø Che ñaäy. Thuyeát Vaên noùi chöõ vieát töø boä thaûo 草 thanh teá. AÂm teá ngöôïc laïi aâm tyø dueä 毘 袂.

Yeåm aùc (厭 惡). Ngöôïc laïi aâm treân laø y dieãm 伊 焰. AÂm döôùi laø oâ coá 烏 固.

Haân laïc (欣 樂). AÂm treân laø höông aân 香 殷. AÂm döôùi laø nguõ giaùo

五 教.

Phuùng tuïng ( 諷 頌 ). Ngöôïc laïi aâm treân laø phong moäng 風 夢 . Ngöôïc laïi aâm döôùi laø töø duïng 徐 用. Saùch Chu Leã cho raèng: Daïy hoïc troø

hoïc thuoäc, ñoïc tuïng saùch Quoác ngöõ. Trònh Huyeàn cho raèng: ñoïc thuoäc laø vaên, goïi laø phuùng 諷 , laáy aâm thanh tieát taáu goïi laø 頌 tuïng, hoaëc laø vieát tuïng 誦 naøy. Thanh Loaïi cho raèng: Tuïng (誦) ñoù laø ca ngaâm nhöõng baøi

thô khen ngôïi thaïnh ñöùc toát ñeïp, ca ngôïi, khen ngôïi hình dung Ñöùc Phaät. Thuyeát Vaên noùi vieát chöõ tuïng 頌 naøy.

Traïng maïo (狀 藐). Treân laø chöõ traïng 狀, töø boä khuyeån 犬 thanh phieám 爿 . Vaän Anh Taäp cho raèng: Hình traïng töôùng maïo. Thuyeát Vaên noùi cuõng vieát töø boä khuyeån 犬 thanh phieám 爿 . Ngöôïc laïi aâm döôùi laø mao baùo 茅豹. Saùch Thöôïng Thö cho raèng: Coù naêm vieäc: 1 Maïo. Khoång

An Quoác chuù giaûi raèng: Maïo laø dung nghi. Quaûng Nhaõ cho raèng: Thaáy

xem thaáy roõ raøng. Thuyeát Vaên noùi chöõ maïo gioáng khuoân maët cuûa ngöôøi, döôùi töø boä nhaân 人. Chöõ töôïng hình. Theo Truï Vaên chöõ vieát töø boä thæ 豕vieát maïo hoaëc laø vieát maïo 貌, töø boä hieät 頁. AÂm baùo 豹 thanh tænh 省. AÂm truï laø aâm truï 宙. AÂm 豕 laø aâm truy 騅

Naêng thích ( 能 剌 ). Ngöôïc laïi aâm treân laø noâ ñaêng 奴 登 . Quaûng Nhaõ cho raèng:Naêng laø ngöôøi phuï traùch. Baùt-nhaõ cho raèng: Coù theå kham

nhaän traùch nhieäm laø m caùc vieäc. Thuyeát Vaên cho laø Naêng thuoäc loaøi

gaáu, chaân gioáng nhö chaân nai, cho neân chöõ vieát töø hai boä chuûy ñeán boä nhuïc 肉 thanh dó. Dó 苡 laø chöõ coå. Nay theo Leä Saùch vieát theo boä thaûo 草 löôïc bôùt ñi, laø boä ñao, chaúng nhöõng sai laàm löôïc ñi maø coøn chaúng phaûi theå chöõ. Trong vaên kinh vieát naêng 能 coù boä thaûo 草 theo saùch laø sai, cuõng chaúng phaûi chöõ. Ngöôïc laïi aâm döôùi laø thanh dieäc 青 亦. Thuyeát Vaên noùi raèng: Ñaâm thaúng vaøo bò thöông. Chöõ vieát töø boä ñao 刀 thanh

laïc. Trong vaên kinh vieát giaùp vieát thaønh giaùp, vaên thöôøng hay duøng laø chaúng ñuùng, laø sai laàm. AÂm huøng 熊 laø aâm huøng 雄.

# KINH ÑAÏI BAÙT-NHAÕ BA-LA-MAÄT-ÑA QUYEÅN 351

Xaâm laêng (侵 凌). Ngöôïc laïi aâm treân laø thaát laâm 七 林. Löu Trieäu chuù giaûi Coâng Döông truyeän raèng: Xaâm ( 侵 ) laø laø m haïi. Thuyeát Vaên cho laø Laàn laàn tieán vaøo. Chöõ vieát töø boä nhaân 人, tay ngöôøi caàm giöõ caây choåi. Ngöôïc laïi aâm döôùi laø chöông lieãu 章 柳 . Nhö caàm caây choåi tieán vaøo queùt saïch. Theo Leä saùch vieát tænh löôïc, neân vieát laø xaâm löôïc 侵 略. Ngöôïc laïi aâm döôùi laø löïc caïnh 力 競. Thieân Thöông Hieät cho raèng: Xaâm

laø laø m nhuïc, khinh lôøn. Quaûng Nhaõ cho laø Phaïm, xaâm phaïm, chieám laáy. Thuyeát Vaên noùi chöõ vieát töø boä laêng 夌 aâm laêng 夌.

Töï hoaïi (沮 壞). Ngöôïc laïi aâm treân laø töø döõ 慈 與. Theo Mao Thi Truyeän cho raèng: Töï (沮) cuõng gioáng nhö chöõ hoaïi 壞. Quaûng Nhaõ cho

laø AÅm öôùt. Thuyeát Vaên noùi chöõ vieát töø boä thuûy thanh thaû töï, aâm thaû, ngöôïc laïi aâm töû dö 子 余. Ngöôïc laïi aâm döôùi laø hoaøi quaùi 懷 怪. Quyeån ba traêm ba möôi ôû tröôùc ñaõ giaûi thích hoaïi 壞 ñaày ñuû.

Ñaêng giaùp (鐙 甲). Ngöôïc laïi aâm khai haïp 開 盍. Thuyeát Vaên cho raèng: Chöõ giaùp 甲 , trong quyeån boán möôi baûy ôû tröôùc ñaõ giaûi thích ñaày

ñuû.

Haøm vò (喊 味). Ngöôïc laïi aâm treân laø haõm nghieâm 陷 嚴, coù khi cuõng thöôøng hay duøng. Quaûng Nhaõ cho raèng: Muøi vò nöôùc ôû phöông Baéc. Nhó Nhaõ cho Laø khoå. Thuyeát Vaên noùi chöõ chaùnh theå töø boä loã 鹵vieát thaønh chöõ haøm 鹹 laø chöõ hình thanh.

Töôùng baûo (將寶). Ngöôïc laïi aâm tinh daïng 精樣. Khaûo Thanh cho laø Töôùng soaùi. Theo Vaên Töï Taäp Löôïc Cho laø Quaân chuû. Thuyeát Vaên noùi laø Thoáng lónh. Chöõ vieát töø boä thoán 寸 ñeán boä töôùng 醬 thanh tænh 省. AÂm soaùi 帥 laø aâm suy 衰 loaïi 類. Trong kinh Thuyeát Vaên noùi Töôùng baûo töùc laø Vua chuyeån luaân Thaùnh Vöông, laø töôùng Thaàn chuû binh.

Giai ñoän (皆 鈍). AÂm treân laø chöõ giai 皆, döôùi töø boä baïch 白. AÂm döôùi laø chöõ ñoân 鈍. Ngöôïc laïi aâm ñoà coân 徒 焜. Thieân Thöông Hieät cho Ñoän (鈍) laø ngu. Thuyeát Vaên noùi raèng chöõ vieát töø boä kim 金 thanh ñoän, aâm ñoän ngöôïc laïi aâm ñoä luaân 度 論.

Taâm tuûy 心 ? Ngöôïc laïi aâm tuy thöû 雖 論 . Thuyeát Vaên noùi raèng: chaát môõ trong xöông. Chöõ vieát töø boä coát 骨 vieát tuûy thanh tænh 省.

Tröôïng khoái ( 杖 塊 ). Ngöôïc laïi aâm treân laø tröôøng löôõng ⾧ 兩 . Thuyeát Vaên noùi raèng: Tay caàm caây gaäy. Chöõ vieát töø boä moäc 木 thanh tröôïng 丈 , chöõ tröôïng 丈 töø boä thaäp 十 ñeán boä höïu 又 . Ngöôïc laïi aâm döôùi laø khaùng ngoaïi 康 外. Theo vaên kinh, trong quyeån ba möôi chín

tröôùc ñaõ giaûi thích. Vaên coå vieát khoái 塊 chöõ vieát töø boä thoå 土 laø chöõ töôïng hình.

(*Töø quyeån 352 ñeán quyeån 355, ñeàu khoâng coù aâm giaûi thích.*)

# KINH ÑAÏI BAÙT-NHAÕ BA-LA-MAÄT-ÑA QUYEÅN 356

AÙn moät la quaû baùn na sa quaû 宴 沒 羅 果 半 娜 娑 果. Ñeàu laø tieáng

Phaïm. Laø teân cuûa moät loaïi traùi ôû Taây Vöïc, ôû Trung quoác khoâng coù teân loaïi quaû Baùn-na-sa 半 娜 娑 . Hình nhö laø teân moät loaïi döa troàng vaøo muøa ñoâng, maø muøi vò cuûa noù raát ngon, hoïaêc teân laø Ma-na-sa 麼 那 娑.

Chuûng thöïc (種 植). Ngöôïc laïi aâm thöøa löïc 承 力. Theo saùch Toaùn Vaän Taäp cho raèng: Thöïc ( 植 ) laø nhieàu. Khaûo Thanh cho raèng: thöïc laø

daøi, laâu daøi, chöùa nhoùm nhieàu. Thuyeát Vaên cho raèng: Thöïc laø troàng troït. Chöõ vieát töø boä moäc 木 thanh tröïc 直, hoaëc vieát töø boä ñaõi 歹, vieát thöïc 殖naøy cuõng ñoàng nghóa.

Khaùi quaùn ( 溉 灌 ). Ngöôïc laïi aâm treân laø cö khí 居 氣 . Vaän Anh Taäp cho laø töôùi nöôùc. Khaûo Thanh cho raèng: Ngaâm vaøo nöôùc. Thuyeát Vaên cho laø töôùi nöôùc xuoáng ruoäng. Chöõ vieát töø boä thuûy, thanh khaùi. Ngöôïc laïi aâm döôùi laø quan hoaùn 官 換 . Quaûng Nhaõ cho laø roùt nöôùc ra, ngaâm vaøo thaám vaøm, cuõng goïi laø roùt nöôùc. Vaän Anh Taäp cho laø Daãn nöôùc vaøo töôùi ruoäng. Thuyeát Vaên noùi chöõ vieát töø boä thuûy thanh quaùn. AÂm quaùn ñoàng vôùi aâm treân.

Baát tòch (不 藉). Ngöôïc laïi aâm tình daï 情 夜. Vaän Anh Taäp cho laø phuõ coû leân ñaát laø chöõ giaõ taù.

Nha haønh ( 牙 莖 ). Ngöôïc laïi aâm treân nhaõ gia 雅 家 . AÂm döôùi laø haïnh canh 幸 耕. Thuyeát Vaên noùi raèng: goác cuûa coïng coû goïi laø haønh 莖. Chöõ vieát töø boä thaûo 草, thanh haønh 莖.

Thieän xaï (善 射). Ngöôïc laïi aâm thôøi daï 時 夜. Theo saùch Chu Leã cheùp raèng: Luïc ngheä tam goïi laø Nguõ xaï. Thuyeát Vaên cho laø Chöõ vieát töø boä thæ 矢 vieát thaønh xaï. Giaûi thích teân goïi laø giöôùng caây cung ra baén,

töø thaân cuûa mình maø truùng nôi xa, goïi laø xaï. Trong saùch Lyù Tö Tieåu Trieän cho chöõ vieát töø boä thoán 寸 vieát thaønh chöõ xaï 射. Thoán (寸) cuõng laø phöông phaùp ñeå vöôït qua, thoán cuõng laø taác tay.

Oaùn ñòch ( 怨 敵 ). Ngöôïc laïi aâm treân laø uyeån vieân 苑 袁 . Trong quyeån ba traêm leû ba ôû tröôùc ñaõ giaûi thích chöõ 怨 roài. Ngöôïc laïi aâm döôùi

laø ñình lòch 亭 歷 . Theo Vaên Töï Ñieån noùi raèng: Ñòch laø cöøu thuø. Theo Taû Truyeän noùi laø ñoái ñòch. Theo Coác Löông Truyeän cho raèng: Gaáp ñoâi, giaän nhaân leân gaáp ñoâi thì döøng, ñòch thì chieán ñaáu, thieáu thì giöõ, giöõ laïi

phoøng hoä. Chöõ vieát töø boä phoäc thanh thöông aâm thöông. Ngöôïc laïi aâm ñinh lòch 丁歷.

*(Kinh töø quyeån 357 ñeán 362, saùu quyeån ñeàu khoâng coù aâm ñeå giaûi*

*thích.)*

# KINH ÑAÏI BAÙT-NHAÕ BA-LA-MAÄT-ÑA QUYEÅN 363

Maäu thaïnh (茂 盛). Ngöôïc laïi aâm treân laø maïc haäu 莫 候. AÂm cuûa nöôùc Ngoâ vaø nöôùc Sôû. Vaän Anh Taäp aâm laø maïc boá 摸 布. Nghóa laø loaøi

thaûo moäc, caâu coû moïc um tuøm, xum xueâ. Saùch Nhó Nhaõ cho laø Raát töôi

toát. Mao Thi Truyeän cho laø Raát ñeïp. Vaän Thuyeân Taäp cho raèng: Thaém öôùt töôi toát. Thuyeát Vaên cho raèng chöõ vieát töø boä 草 thaûo thanh 茂 maäu. Ngöôïc laïi aâm döôùi laø thöôøng chaùnh 常 正. Quaûng Nhaõ cho raèng: Thaïnh

laø nhieàu. Khaûo Thanh cho raèng: Thaïnh laø höng thònh, maïnh meõ. Thuyeát Vaên noùi chöõ vieát töø boä maõnh 皿, thanh thaønh 成.

Voâ haï (旡 暇). AÂm treân laø voâ 無, xuaát ra töø vaên coå, chöõ raát laï. Chöõ voâ 無 laø chöõ coå. Ngöôïc laïi aâm döôùi laø haø giaù 遐 駕 . Giaû Quyø chuù giaûi saùch Quoác ngöõ raèng: Haï (暇) laø an oån. Thuyeát Vaên cho laø Raûnh roãi nhaøn haï. Chöõ vieát töø boä nhaät 日 ñeán chöõ haø thanh tænh 省.

*(Quyeån 364, 365 vaên khoâng khaùc, khoâng coù aâm ñeå giaûi thích.)*

*-*

# KINH ÑAÏI BAÙT-NHAÕ BA-LA-MAÄT-ÑA QUYEÅN 366

Uoång sanh (枉 生). Ngöôïc laïi aâm uy vaõng 威 往. Phöông Ngoân cho raèng: AÂm giöõa nöôùc Teà, nöôùc Loã goïi laø quang caûnh laø uoång 枉 , laø maát ñi. Thuyeát Vaên cho raèng: chöõ vieát töø boä moäc 木 , thanh vöông 王 . Vaên coå vieát töø boä vaên 文 laø uoång.

Haân caàu ( 忺 求 ). Ngöôïc laïi aâm ngaät aân 迄 殷 . Khaûo Thanh cho raèng: Vui veû. Thuyeát Vaên cho laø toát laø nh, loøng ngöôøi haân hoan, ñoùn

nhaän söï toát laø nh. Chöõ chaùnh theå vieát haân 欣 , hoaëc vieát laø haân 訢 ñeàu laø thoâng duïng.

Traøo tieáu (嘲 誚). Ngöôïc laïi aâm treân laø lieäu giao 嘹 交. AÂm döôùi laø thöông giaûo 嘀 狡. Saùch Nhó Nhaõ cho raèng: Taøo (嘲) laø laø m troø haøi höôùc, bôûn côït, choïc gheïo, hoaëc vieát töø boä 言 ngoân vieát traøo 嘲 . Thuyeát Vaên noùi cho raèng töø chöõ ñieäu, aâm ñieäu. Ngöôïc laïi aâm truùc bao 竹 包 . Ngöôïc laïi aâm döôùi laø tieâu dieäu 樵 曜. Thieân Thöông Hieät cho raèng: Tieáu (誚) laø cöôøi lôùn, cuõng laø traùch phaït. Khaûo Thanh cho laø troø cöôøi ñuøa bôõn

côït. Vaän Anh Taäp cho laø Traùch. Thuyeát Vaên cho laø Gaây roái, taøn aùc, taùc haïi, hoaëc vieát laø tieáu 譙 , ñeàu laø chöõ töôïng hình, aâm höôùc 謔 ngöôïc laïi aâm höông öôùc 香 約.

Voâ khieáp (無 怯). Ngöôïc laïi aâm khieám nghieäp 欠 業. Thieân Thöông Hieät cho raèng: Khieáp (怯) laø sôï haõi, laø keùm. Theo Taäp Huaán Truyeän cho

laø Sôï seät. Vaän Thuyeân Taäp cho raèng: Yeáu ôùt. Thuyeát Vaên cho laø Chöõ vieát töø boä khuyeån 犬 vieát thaønh chöõ khieáp. Duøng chöõ khieáp naøy nghóa laø nhieàu choù neân sôï haõi. Chöõ vieát töø boä khuyeån 犬 thanh khöù 去, laø chöõ hình thanh.

Tam ma hyù ña 三 摩 咥 多 . AÂm töù ngöôïc laïi aâm thanh dó 聲 以 . Tieáng Phaïm, Haùn dòch laø döøng laïi, noùi laø taâm döøng laïi nghæ ngôi, hoaëc goïi laø ñònh, coù raát nhieàu teân, v.v… cuõng goïi laø ñaúng trìm 等 持 ñaúng daãn

等 引. Ñaây cuõng laø moät nghóa.

Thao thieát (饕 餮). Ngöôïc laïi aâm treân laø thang cao 湯 高. Ñoã Döï chuù giaûi Taû Truyeän raèng: Tham taøi goïi laø thao ( 饕 ), hoaëc vieát laø thao 叨 vaên thöôøng duøng. Ngöôïc laïi aâm döôùi laø thieân kieát 天 恝. Thuyeát Vaên cho raèng: tham aên goïi laø thieát (餮). Baùt-nhaõ vieát thieát, hai chöõ treân ñeàu laø chöõ töôïng hình, thanh thöôïng.

Huyeân taïp (諠 雜). Ngöôïc laïi aâm treân laø huynh vieân 兄 圓. Quyeån thöù nhaát ôû tröôùc ñaõ giaûi thích ñaày ñuû. Ngöôïc laïi aâm döôùi laø taøi lònh 才令. Quyeån moät traêm taùm möôi moát ñaõ giaûi thích ñaày ñuû roài.

Phaân nhieåu (紛 擾). Ngöôïc laïi aâm treân laø phaát vaên 拂 文. Quyeån thöù nhaát ôû tröôùc trong baøi töïa ñaõ giaûi thích chöõ phaân (紛). Ngöôïc laïi aâm döôùi laø nhi chieåu 而 沼. Trong quyeån ba ôû tröôùc ñaõ giaûi thích chöõ nhieãu 擾 roài.

Baát ñaïn (不 憚). Ngöôïc laïi aâm ñaøn thaû 彈 且. Trònh Tieãn chuù giaûi Mao Thi Truyeän cho raèng: Ñaïn (憚) laø khoù khaên. Theo Haøn Thi Truyeän

cho laø sôï haõi. Taäp Huaán Truyeän cho laø töø choái. Thieân Thöông Hieät cho laø kinh sôï, giaät mình. Thuyeát Vaên cho laø mau choùng. Chöõ vieát töø boä taâm 心 thanh ñaïn 單.

Cöù ngaïo (據 傲). Ngöôïc laïi aâm cö ngöï 居 御. Mao Thi Truyeän cho raèng: Cöù laø döïa theo. Khaûo Thanh cho laø Döïa vaøo. Ñoã Döï chuù giaûi Taû

Truyeän cho laø An oån. Thuyeát Vaên cho laø Phoø trì, uûng hoä. Chöõ vieát töø boä thuû 手 thanh cöù 豦, hoaëc laø vieát cöù 倨, aâm cöù laø aâm 渠 cöï. Ngöôïc laïi aâm döôùi laø ngoâ caùo 吾 告. Khoång An Quoác chuù giaûi saùch Thöôïng Thö cho laø

Ngaïo maïn. Quaûng Nhaõ cho laø Buoâng troâi, quaáy ñoäng. Thuyeát Vaên cho laø Döïa vaøo. Chöõ vieát töø boä taâm 心 thanh ngaïo, hoaëc vieát töø boä nhaân 人vieát ngaïo 傲. Thuyeát Vaên cho laø Chöõ vieát töø boä xuaát ñeán chöõ phoùng 放. Nay trong vaên kinh vieát töø boä thoå 土 vieát ngaïo 傲 nhö vaäy laàn laàn sai,

vieát löôïc boû bôùt.

Ö ky ( 於 譏 ). Treân laø chöõ ö 於 . Thuyeát Vaên noùi chöõ vieát töø boä phöông, aâm phuông laø aâm yeån 偃 . Trong vaên kinh vieát töø boä thuû 手 laø chaúng ñuùng. Ngöôïc laïi aâm döôùi laø cö y 居 依 . Quaûng Nhaõ cho raèng: Ky laø khuyeân can. Thuyeát Vaên cho laø Cheâ bai. Chöõ vieát töø boä ngoân 言thanh cô 幾.

*(Quyeån 367, 368 hai quyeån ñeàu khoâng coù aâm ñeå giaûi thích.)*

*-*

# KINH ÑAÏI BAÙT-NHAÕ BA-LA-MAÄT-ÑA QUYEÅN 369

Coác höôûng (谷 響).Ngöôïc laïi aâm höông vuõ 香 雨. Khaûo Thanh cho raèng: Höôûng laø tieáng vang. Khoång An Quoác chuù giaûi saùch Thöôïng Thö

raèng: Gioáng nhö aâm thanh vang ngöôïc trôû laïi. Thuyeát Vaên noùi chöõ vieát töø boä aâm 音 thanh höôûng 鄉, hoaëc vieát laø chöõ höôûng 響. Hoaëc vieát töø boä ngoân 言 vieát thaønh chöõ höôûng. Trong vaên kinh vieát chöõ 向 höôùng vieát

thaønh chöõ höôõng naøy laø chaúng ñuùng.

*(Quyeån 370 ñeán 375 , saùu quyeån ñeàu khoâng coù aâm ñeå giaûi thích)*.

# KINH ÑAÏI BAÙT-NHAÕ BA-LA-MAÄT-ÑA QUYEÅN 376

Xa thöøa (車 乘). Ngöôïc laïi aâm treân laø xöôùng giaù 昌 遮. Chöõ xa 車. Thuyeát Vaên cho laø chöõ töôïng hình, 車 vieát xa laø hoaønh 橫 töùc laø ngang doïc. Trong saùch vieát chöõ xa 車 laø vaên coå. Chöõ 車 xa laø chieác xe chaïy

ngang. Ngöôïc laïi aâm döôùi laø thöïc chöùng 食 證. Khoång An Quoác chuù giaûi saùch Thöôïng Thö raèng: Thöøa (乘) laø thaéng hôn, vöôït hôùn. Theo Mao Thi

Truyeän cho raèng: Thöøa laø thaêng leân. Trònh Chuùng chuù giaûi saùch Chu Leã

raèng: Boán chieác xe goïi laø Thöøa. Thuyeát Vaên cho laø Thöøa laø che ñaäy. Chöõ vieát töø boä nhaäp 入 ñeán chöõ suyeãn 舛, aâm suyeãn 舛 laø kieät 竭. Kieät hieät 桀 黠 laø ngöôøi coù taøi, thoâng minh, saùng suoát. Quaân Phaùp cuõng goïi laø thöøa, nghóa laø chuyeân chôû, côõi leân. Theo Leä Saùch vieát chöõ thöøa 乘naøy laø chöõ bieán theå.

Tuûy naõo. 髓 惱 Ngöôïc laïi aâm treân laø uûy thöû. Thuyeát Vaên cho laø Chaát môõ trong xöông. Chöõ vieát töø boä coát 骨 ñeán chöõ tuøy thanh tænh 省 . Ngöôïc laïi aâm döôùi laø naêng laõo 能 老 . Theo Vaên Töï Taäp Löôïc cho raèng:

Naõo tuûy trong ñaàu. Chöõ naøy laø sai laàm raát nhieàu, hoaëc laø vieát töø ba boä chæ 止 , hoaëc vieát töø boä nhuïc 月 , hoaëc vieát töø boä 口 khaåu, hoaëc vieát töø chöõ hoát 忽, hoaëc vieát töø boä sôn 山 ñeàu chaúng ñuùng. Thuyeát Vaên noùi chöõ

chaùnh theå töø boä chuûy ñeán chöõ tín 囟, aâm tín 囟 laø aâm tín 信. Tín 囟 naøy töùc laø naõo trong ñaàu. Töø boä xuyeân 川, aâm xuyeân 川 gioáng nhö laø toùc treân ñaàu. Chöõ chuûy ñoù laø töông ñöông nhö chöõ tröôùc 著 , thanh naõo. AÂm naõo ngöôïc laïi aâm naêng laõo 能 老, voán laø chöõ coå.

(Kinh töø quyeån 377 ñeán 380 boán quyeån ñeàu khoâng coù chöõ khoù, khoâng coù aâm ñeå giaûi thích.)

# KINH ÑAÏI BAÙT-NHAÕ BA-LA-MAÄT-ÑA QUYEÅN 381

Lieãm ñeå 斂 底. Ngöôïc laïi aâm löïc dieâm 力 鹽. Thieân Thöông Hieät cho laø teân vaät duïng ñeå ñöïng ñoà. Thuyeát Vaên cho laø Caùi hoäp ñöïng göông soi. Theo chöõ lieãm ñoù laø vaät ñöïng ñoà trang söùc, höông thôn, son phaán,

v.v… noù gioáng nhö caùi hôïp döôùi ñaùy baèng phaúng, treân coù goùc caïnh. Trong kinh vieát töø boä ñaïi 大 ñeán boä phaåm 品 lieãm 奩 naøy laø khoâng thaønh chöõ. Trong kinh noùi chöõ lieãm coù ñaùy baèng phaúng laø ñeå ví duï. chöõ lieãm töø boä phöông 匚 ñeán chöõ lieåm, aâm lieãm cuøng laø thanh. AÂm 匚 laø aâm phöông 方.

Sôû ñaïo ( 所 蹈 ). Ngöôïc laïi aâm ñoà ñaùo 徒 到 . Löu Trieäu chuù giaûi Coác Löông Truyeän raèng: Ñaïo (蹈) laø mang giaøy giaãm ñaïp leân. Quaûng

Nhaõ cho laø Ñaïo laø ñi. Thuyeát Vaên cho raèng: Ñaïo laø ñaïp leân, giaãm leân. Chöõ vieát töø boä tuùc 足 thanh ñaïo. AÂm ñaïo ngöôïc laïi aâm döông tieåu 羊

小.

Thaûn nhieân ( 坦 然 ). Ngöôïc laïi aâm tha laïi 他 懶 . Thieân Thöông

Hieät cho raèng: 坦 laø baèng phaúng, thaúng thaén. Quaûng Nhaõ cho raèng: thaûn laø baèng phaúng. Thuyeát Vaên cho laø An oån. Chöõ vieát töø boä thoå 土 thanh ñaùn 旦, chöõ ñaùn 旦 töø boä nhaät 日, döôùi laø chöõ 一 nhaát.

Voõng coác (輞 轂). Ngöôïc laïi aâm vong phong 忘 夆. Khaûo Thanh cho laø Caùi ñoøn ngang tröôùc xe. AÂm thöùc 軾 laø aâm cöï. Trònh Huyeàn chuù

giaûi saùch Leã Kyù raèng: Ñoøn ngang cuûa xe troøn maø daøi, hai tröôïng baûy thöôùc, cho neân thôøi nay goïi laø vaønh lôùp xe, vaønh xe naøy ñöôøng kính chín thöôùc, ñeàu laø thôøi xöa cheá ra, xe thôøi nay duøng lôùp löôùi bao xung quanh moät tröôïng taùm thöôùc, ñöôøng kính saùu thöôùc töùc laø xe keùo. Ngöôïc laïi aâm

döôùi laø coâng oác 公 屋. Thuyeát Vaên cho laø choã chuïm laïi cuûa caêm xe. Laõo Töû cho raèng: Ba möôi caêm xe coäng theâm moät baàu goã troøn giöõa baùnh xe. Chöõ vieát töø boä xa 車 ñeán chöõ coác 穀 thanh tænh 省.

Ñoå la mieân (堵 羅 棉) Tieáng Phaïm, ôû Taây Vöùc goïi laø boâng mòn,

xöa dòch laø Ñaâu-la-mieân 兜 羅 綿. Trong kinh quyeån ba traêm möôøi tröôùc ñaõ giaûi thích ñaày ñuû roài.

Mieãn voõng 免 網 . Ngöôïc laïi aâm treân laø maïc baøn 莫 盤 . Trònh Huyeàn chuù giaûi saùch Chu Leã raèng: Coû beân ñöôøng goïi laø mieãn. Quaûng Nhaõ cho laø Caùi aùo vaù. Ngöôïc laïi aâm döôùi laø vuõ phaûng 武舫, ôû ñaây noùi laø

giöõa möôøi ngoùn tay cuûa Ñöùc Nhö lai, gioáng nhö maøng löôùi, goïi khaùc nöõa

laø Baøo Hy Thò cho raèng: Keát laïi baèng sôïi daây laø m voõng. Thuyeát Vaên noùi vieát chöõ la 羅, chöõ coå, cuõng ñôn vieát laø voõng 罓, chöõ töôïng hình.

YÛ hoïa (綺?) Ngöôïc laïi aâm khi kyû 欺 紀. Phaïm Töû Keá Nhieân cho

raèng: Taám luïa theâu hoa xuaát xöù töø nöôùc Teà, nay xuaát xöù laø nöôùc Ngoâ Vieät. Ngöôïc laïi aâm döôùi laø hoa maï 華 罵. Saùch Nhó Nhaõ cho raèng: Hoïa

laø chöõ töôïng hình. Quaùch Phaùc cho raèng: Ñoà hoïa, laø ngöôøi hoïa só. Cho neân vieát chöõ töôïng hình. Trong Töï Thö cho raèng: Voán khoâng coù chöõ naøy, laø chöõ giaû taù, nhö möôïn chöõ hoïa maø duøng.

Tieâm tröôøng (纖 ⾧). Ngöôïc laïi aâm töông dieâm 相 鹽. Quaûng Nhaõ cho raèng: tieâm laø nhoû beù. Phöông Ngoân cho raèng: Tieâm laø nhoû. Thuyeát Vaên cho raèng: Cuõng raát nhoû mòn. Chöõ vieát töø boä mòch 糸 thanh tieâm 韱. Laïi noùi raèng chöõ Tieâm ñoù laø döôùi boä phi 非 thaønh tieän 箋 aâm tieãn 箋 . Ngöôïc laïi aâm tieáp dieâm 接 閻 . Hai boä ñeán boä ? ñeán boä qua 戈 . Trong vaên kinh vieát töø boä thoå 土 ñeán boä phi 非 vieát thaønh chöõ tieâm naøy laø chaúng thaønh chöõ. Ngöôïc laïi aâm döôùi laø tröôïng löông 丈 良 . Trònh Tieãn chuù giaûi Mao Thi Truyeän cho raèng: Tröôøng (⾧) laø daøi xa. Quaûng Nhaõ

cho raèng laø thöôøng. Thuyeát Vaên cho laø laø laâu xa. Chöõ vieát töø boä ngoät

兀 aâm ngoät 亓 , nghóa laø choã cao xa, töø boä chuõy aâm hoùa. Laâu ngaøy hoùa thaønh bieán ñoåi chöõ vieát töø thöôïng 上 ñeán thanh saûnh vong. Chöõ trong

saùch ñaûo ngöôïc laïi laø chöõ vong. Trong saùch chöõ Trieän cho raèng theå chöõ coå vieát tröôøng. Nay theo Leä saùch vieát laø tröôøng ⾧, treân vaên thöôøng hay duøng goïi laø chöõ ngoät 兀 hoùa ra, trong chöõ döôùi ñeàu laø bieán theå, khoâng theå noùi ñöôïc.

Y neâ da Loäc Vöông suyeãn (依 泥 耶 漉 王 喘). Ngöôïc laïi aâm treân laø y heà 伊 奚 laø tieáng Phaïm, Haùn dòch laø con nai chuùa, loâng treân mình noù nhieàu loaïi khaùc nhau, maøu saéc oùng aùnh choùi saùng, raát mòn vaø möôùt, ñaàu

goái cuûa noù troøn nhoû raát thaúng, cho neân laáy laø m duï. AÂm suyeãn ngöôïc laïi aâm thuyeân nhuyeãn 遄 耎.

Dung vieân (傭 圓). Ngöôïc laïi aâm si long 癡 龍. Khaûo Thanh cho raèng: Treân döôùi quaân bình goïi laø dung ( 傭 ), cuõng goïi laø lôùn. Vaän Anh Taäp cho raèng: Dung laø thaúng. Trong vaên kinh vieát töø boä nhuïc 肉 vieát

thaønh chöõ dung cuõng laø vaên thöôøng duøng. Thuyeát Vaên cho laø Quaân bình, thaúng thaén. Chöõ vieát töø boä nhaân 人 thanh dung 庸.

Cam thanh (紺 青). Ngöôïc laïi aâm treân laø cam aùm 甘 暗. AÂm döôùi laø thích doanh 戚 盈. Thuyeát Vaên cho raèng: Maõnh luïa maøu traéng nhuoäm

thaønh maøu xanh maø ñöa leân laïi maøu ñoû thaúm, hoaëc vieát laø thuyeân löu,

aâm ñeàu ñoàng vôùi aâm treân, ñoù ñeàu laø choã cuûa Maõ, Trònh duøng chöõ coå. Döôùi laø chöõ thanh 青. Thuyeát Vaên noùi chöõ vieát töø boä sanh 生 ñeán boä ñan 丹. Theo Leä saùch cho raèng sai laàm, vieát löôïc bôùt.

Nhuaän hoaït (潤 滑). Ngöôïc laïi aâm treân laø nhö thuaän 如 順. Theo saùch Thöôïng Thö cho raèng: Nöôùc öôùt goïi laø nhuaän, töùc laø nhuaän döôùi nhuaän döôùi vieát laø haøm 鹹 , aâm haøm 鹹 laø aâm haøm 咸 . Quaûng Nhaõ cho

raèng: Nhuaän laø öôùt. Ngöôïc laïi aâm döôùi laø hoaøn quaùt 還 刮. Thuyeát Vaên cho laø Hoaït laø lôïi. Khaûo Thanh cho raèng: Nhaân caùi lôïi, AÂm quaùt 刮 , ngöôïc laïi aâm khai hoaït 開 滑, ñeàu vieát töø boä thuûy, chöõ hình thanh.

Hoaûng dieäu ( 晃 燿 ). Ngöôïc laïi aâm treân laø hoaøng quaûng 黃 廣 . Quaûng Nhaõ cho laø Choùi saùng. Khaûo Thanh cho raèng: AÙnh maët trôøi, cuõng vieát laø hoaûng. Thuyeát Vaên cho laø Saùng. Chöõ vieát töø boä nhaät 日 , thanh quang 光. Ngöôïc laïi aâm döôùi laø dieâu chieáu 姚 照. Quaûng Nhaõ cho raèng:

AÙnh löûa chieáu saùng röïc rôõ. Vaän Anh Taäp cho raèng: Saùng suoát, thaáu suoát, hoaëc laø vieát töø boä dieäu 曜 naøy cuõng thoâng duïng. Thuyeát Vaên noùi chöõ vieát töø boä hoûa vieát dieäu 燿, cuõng vieát töø boä quang 光 vieát dieäu 耀. Vaên thöôøng duøng, chaúng phaûi chöõ ñuùng theå.

Baùc dòch 髆 腋 . AÂm treân laø baùc 博 . AÂm döôùi laø dieäc thöû 亦 此 , hai chöõ naøy ñeàu töø boä nhuïc 肉. Quyeån nhaát ôû tröôùc ñaõ giaûi thích ñaày ñuû

roài.

Naëc-Cuï-Ñaø (諾 瞿 陀). Ngöôïc laïi aâm na-caùc 那 各. Tieáng Phaïm,

teân moät loaïi caây, hoaëc vieát laø Ni-Caâu-Ñaø 尼 俱 陀 . Dòch laø caây thaúng ñöùng, ung dung, troøn ñaày, raát deã thöông. Trung quoác khoâng coù goïi caây Lieãu laø sai.

Haøm öùc (頜 臆). Ngöôïc laïi aâm treân laø haø caûm 何 感. AÂm döôùi laø ö löïc 於 力. Quyeån nhaát ñeàu ñaõ giaûi thích ñaày ñuû.

Du khaû tuyeát (逾 坷 雪). Ngöôïc laïi aâm treân laø döõu caâu 萸俱. Vaän Thuyeân Taäp cho raèng: Du laø vöôït qua, hoaëc vieát du 踰 naøy cuõng ñoàng. Ngöôïc laïi aâm döôùi laø khaû haø 可 何. Vaän Thuyeân Taäp cho laø Vieân ngoïc maøu traéng, maøu traéng nhö tuyeát.

Phong lôïi (鋒 利). Ngöôïc laïi aâm treân laø phöông khoâng 芳 空. Khaûo Thanh cho raèng: Muõi dao nhoïn, hoaëc vieát laø phong 鋒. Thuyeát Vaên cho laø Loaïi binh khí caây ñao ngaøy xöa, muõi nhoïn. Chöõ vieát töø boä kim 金thanh phong 省.

Ung khuùc ( 擁 曲 ). Ngöôïc laïi aâm döôùi laø ung cuõng 邕 拱 . Trònh Huyeàn chuù giaûi saùch Nghi Leã raèng: Ung laø oâm trong loøng, Khaûo Thanh

cho raèng: Naém giöõ laáy, baûo hoä, che chôû. Töï Thö cho laø Che chôû. Thuyeát Vaên noùi chöõ vieát töø boä thuû 手, thanh ung 雍, chöõ chaùnh theå vieát ung 壅naøy, chöõ coå.

Uyeãn öôùc (婉 約). Ngöôïc laïi aâm treân laø oaùn vieãn 怨 遠. Theo Ñoã Döï chuù giaûi Taû Truyeän raèng: Uyeån öôùc laø lôøi noùi hoa myõ. Vaän Thuyeân

Taäp cho raèng: Uyeån laø nònh hoùt laáy loøng. Thuyeát Vaên cho raèng: Uyeån laø hoøa thuaän. Chöõ vieát töø boä nöõ 女 thanh uyeån 宛, ñeàu laø chöõ hình thanh.

Taàn-gia-aâm ( 頻 伽 音 ), laø tieáng Phaïm, ôû Taây Vöïc laø teân goïi moät loaøi chim. Theo saùch Cuï Tuùc ÖÙng cho raèng: Ca Laêng Taàn Giaø 迦 陵 頻伽. Chim naøy ôû trong hang nuùi, tieáng hoùt raát hay, khieán cho ngöôøi nghe caûm thaáy vui möøng.

Nhaõn tinh (眼 睛). Ngöôïc laïi aâm tích doanh 積 盈. Chöõ giaû taù, voán khoâng coù chöõ naøy. Chöõ tình 睛 nghóa laø haït chaâu. Theo saùch Toaùn Vaän

cho laø troøng ñen con maét. Ngöôøi xöa goïi laø con ngöôi. Vaên thöôøng duøng goïi laø 瞳 子 (ñoàng töû), cuõng laø con ngöôi, cuõng goïi laø con ngöôi cuûa maét. Vaên Luaän goïi laø nhaõn caên, do boán ñaïi taïo ra tònh saéc caên laø m theå.

OÂ-Saéc-Nhò-Sa (烏 瑟 膩 沙) laø tieáng Phaïm, Hieäu Ñaûnh töôùng cuûa Ñöùc Nhö lai. Trong kinh Quaùn Phaät Tam-muoäi noùi raèng: Nhuïc keá treân ñaûnh ñaàu cuûa Ñöùc Nhö lai, noåi leân cuïc thòt troøn, nhoâ cao loä ra trang ng- hieâm, gioáng nhö chieác loïng ôû coõi Trôøi, laïi dòch laø “Voâ kieán ñaûnh töôùng”, coù caùc nghóa raát saâu xa.

Giaùp tröôøng (岬 ⾧.) Ngöôïc laïi aâm haøm giaùp 咸 甲. Trong quyeån ba traêm leû boán ôû tröôùc ñaõ giaûi thích. Chöõ vieát töø boä khuyeån 犬 laø chaúng

ñuùng.

Caân maïch (筋 脈). Ngöôïc laïi aâm treân laø cö ngaân 居 銀. Chöõ vieát töø boä 竹 ñeán boä nhuïc 肉, ñeán boä löïc 力. Ngöôïc laïi aâm döôùi laø ma baùch 厤 佰. Chöõ vieát töø boä huyeát 血, boä maïch, hoaëc vieát töø boä nhuïc 肉. Trong vaên kinh vieát töø boä 肉 nhuïc ñeán boä maïch vieát thaønh chöõ maïch 脈 , vaên

thöôøng duøng cuõng thoâng duïng. Trong quyeån naêm möôi ba tröôùc ñaõ giaûi thích ñaày ñuû hai chöõ.

Ñoân tuùc (惇 肅). Ngöôïc laïi aâm treân laø ñoâ coân 都 昆. Giaû Quyø chuù giaûi saùch Quoác ngöõ raèng: Ñoân ( 惇 ) laø thaønh thöïc chaát phaùc, cuõng goïi

laø to lôùn. Phöông Ngoân cho laø Tin töôûng. Saùch Nhó Nhaõ vaø Thuyeát Vaên ñeàu cho laø Saâu daøy. Chöõ vieát töø boä taâm 心 thanh ñaøi 臺, aâm ñaøi 臺 laø aâm thuaàn 純. Chöõ ñaøi 臺 Thuyeát Vaên noùi cho raèng töø boä böùc 偪, aâm 音 böùc laø aâm ñoân, döôùi laø chöõ döông 羊. Nay vaên kinh töø vaên vieát chöõ ñoân 敦,

gioáng nhö böùc baùch hoái thuùc, laø chaúng phaûi nghóa cuûa kinh. Chöõ vieát töø boä taâm 心 vieát thaønh chöõ ñoân 惇 laø ñuùng. Ngöôïc laïi aâm döôùi laø tung duïc 嵩 育. Khoång An Quoác chuù giaûi saùch Thöôïng Thö raèng: Tuùc (肅) laø cung

kính, nghieâm tuùc. Vaên Nhó Nhaõ cho laø laëng leû, bình yeân, thö thaùi. Vaên Chöùng Phaùp cho raèng: Ñöùc raát maïnh meõ. Vaên Khaéc Nghóa cho raèng: Tuùc laø naém giöõ caùi taâm. Saùch Quyeát Ñoaùn cho raèng: Raát nghieâm tuùc.

Thuyeát Vaên cho laø Naém giöõ caùc vieäc raát caån thaän, raát cung kính. Chöõ vieát töø boä duaät 聿 , aâm duaät 聿 laø aâm nhieáp 躡 ñeán tuùc 肅 laø aâm uyeân 淵 , chöõ duaät ôû trong aâm uyeân 淵 treân laø chöõ chieán 戰 . AÂm chieán 戰 laø aâm caïnh, aâm caïnh laø aâm tuùc 肅, tuy nhieân vì choã sôï haõi maø nghieâm tuùc,

cung kính laø chöõ hoäi yù. Vaên sau trong quyeån boán traêm baûy möôi cuõng ñoàng vôùi giaûi thích.

Khieáp nhöôïc (怯 弱). Ngöôïc laïi aâm treân laø khi nghieäp 欺 業. Vaän Anh Taäp cho raèng: Khieáp (怯) laø sôï haõi. Khaûo Thanh cho laø Yeáu ñuoái,

aùy naùy lo sôï. Coá Daõ Vöông cho laø heøn moïn, sôï haõi. Thuyeát Vaên noùi chöõ vieát töø boä khuyeån 犬 vieát thaønh chöõ khieáp 怯 nghóa laø nhieàu sôï haõi, vì nhieàu choù maø sôï haõi. Cho neân chöõ vieát töø boä khuyeån 犬 thanh khöù 去 , hoaëc laø vieát töø boä taâm 心 vieát thaønh chöõ khieáp 怯 ñeàu thoâng duïng. Ngöôïc laïi aâm döôùi laø nhöông chöôùc 穰 灼. Khoång An Quoác chuù giaûi

saùch Thöôïng Thö cho laø gaày yeáu, beänh hoaïn. Khaûo Thanh cho raèng: Khoâng coù söùc maïnh. Thuyeát Vaên cho laø Yeáu ôùt, khuaát phuïc, cong laïi, co laïi. Chöõ treân gioáng nhö uoán cong laïi, nhöôïc (弱) töùc laø co laïi, khuùm nuùm, heã vaät gì co ro, khuùm nuùm laø khoâng coù söùc maïnh, cho neân chöõ vieát

töø hai boä cung 弓 vaø boä sam 彡 gioáng nhö laø caùi loâng nhoû yeáu meàm.

Truø maät ( 稠 密 ). Ngöôïc laïi aâm tröôøng löu ⾧ 流 . Thieân Thöông Hieät cho raèng: Truø laø ñaëc, nhieàu, daøy. Quaûng Nhaõ cho laø raát khích khao,

daøy ñaëc, ñoâng ñuùc. Thuyeát Vaên cho laø nhieàu. Chöõ vieát töø boä hoøa thanh truø. Ngöôïc laïi aâm döôùi laø maân duaät 岷聿.

Ly eá (離 翳). AÂm treân laø lôïi 利. Ngöôïc laïi aâm döôùi laø doaõn keá 尹

計. Vaän Anh Taäp cho raèng: EÁ laø biï ngaên che. Quaûng Nhaõ cho laø chöôùng ngaïi. Thuyeát Vaên cho laø bò hoa maét, neân che laïi.

Baát oa (不 窊). Ngöôïc laïi aâm oâ traûo 烏 爪. Vaän Thuyeân Taäp cho raèng: Ñaát nôùi thaáp, aåm öôùt, hoaëc vieát töø boä giai 佳 vieát thaønh chöõ oa 窪. Thuyeát Vaên noùi chöõ vieát töø boä huyeät 穴 thanh qua 瓜, chöõ töôïng hình.

Baát ñieät (不 垤). Ngöôïc laïi aâm ñieàn nieát 田 涅. Vaän Thuyeân Taäp cho laø Caùi goø ñaát noåi cao leân. Thuyeát Vaên cho laø Chöõ töôïng hình, hoaëc vieát laø chöõ ñieät 垤, nghóa laø caùi oå kieán noåi leân.

Giôùi tieân (疥 先). Ngöôïc laïi aâm treân laø giai aûi 皆 隘. Saùch Chu Leã cho r: Khi muøa haï coû sanh beänh gheû ngöùa. Theo Taäp Huaán Truyeän cho laø beänh phong huûi. Vaên Töï Taäp Löôïc cho laø Chöõ vieát töø boä 虫 truøng vieát thaønh chöõ giôùi 蚧. Thuyeát Vaên cho laø Ngöùa gaõi. Chöõ vieát töø boä taät thanh giôùi 介 . Ngöôïc laïi aâm döôùi laø tieân tieãn 先 剪 . Theo Taäp Huaán Truyeän

cho raèng: Di chuyeån, dôøi ñi, xaâm chieám, noãi lan ra dôøi ñi, di chuyeån,

Thuyeát Vaên cho laø Veát thöông khoâ maët, loaïi beänh naám treân da daàn daàn lan ra to raát ngöùa. Chöõ vieát töø boä taät 疾 thanh tieân 鮮 . AÂm tao 搔 laø aâm taûo 掃 ñao 刀. AÂm aûi 隘 ngöôïc laïi laø aâm anh giôùi 櫻 介.

Yeåm ñieåm (黶點). Ngöôïc laïi aâm treân laø y dieãm 伊琰. Khaûo Thanh cho laø noát ruoài ñen. Thuyeát Vaên cho laø ÔÛ trong thòt noù ñen. Chöõ vieát töø boä haéc 黑 thanh yeåm. Ngöôïc laïi aâm döôùi laø 丁 琰 ñinh dieåm. Khaûo

Thanh cho raèng: Dieät maát. Vöông Chuù Sôû Töø cho laø dô baån. Thuyeát Vaên cho laø Ñoám ñen nhoû. Chöõ vieát töø boä haéc 黑 thanh chieâm 占.

Vöu chueá (疣 贅). Ngöôïc laïi aâm treân laø höõu öu 冇憂. Thieân Thöông Hieät cho raèng: Vöu chueá laø beänh, hoaëc vieát töø boä nhuïc 肉 vieát thaønh chöõ vöu 疣 naøy, vaên coå vieát vöu 疣 naøy. Ngöôïc laïi aâm döôùi laø giai nhueá 佳芮. Vaên Baùt-nhaõ cho raèng: Chueá (贅) cuõng gioáng nhö chöõ vöu 疣, nghóa

laø beänh. Töï Thö cho raèng: Phong keát laïi beänh. Thuyeát Vaên noùi chöõ vieát töø boä chueá 綴 ñeán boä boái 貝.

Trí nhi (緻 而). Ngöôïc laïi aâm treân laø trì lôïi 池 利. Khaûo Thanh cho raèng: Vaûi luïa raát tinh teá. Theo Taäp Huaán Truyeän cho laø may aùo naïp. Quaûng Nhaõ cho laø Vaù tay aùo, ñeán, chöõ vieát töø boä mòch 糸 thanh trí 致.

Luaân ñoùa (輪 ?) Ngöôïc laïi aâm döôùi ñöông quaû 當 果. Vaên thoâng

duïng vieát ñoùa cuõng thoâng duïng.

Ngaïch quaûng ( 額 廣 ). Ngöôïc laïi aâm nhaõ caùch 雅 格 . Töø chöõ 客khaùch vieát thaønh chöõ ngaïch 額, vaên thöôøng duøng. Tieáng ñòa phöông cho raèng: Ngaïch (額) laø caùi traùn. Giaûi thích teân goïi laø Ngöôøi U Chaâu goïi

ngaïch laø vuøng bieân giôùi, nay thuoäc tænh Hoà Baéc, ôû giang ngoaïi thaønh. AÂm ngöôøi nöôùc Ngoâ goïi ngaïch 額 laø laáy laø m ngaïc nhieân, laáy laø m laï, ñeàu laø vuøng bieân giôùi laø sai. Thuyeát Vaên noùi chöõ vieát töø boä hieät 頁 ñeán boä caùch 格 thanh tænh 省.

Si laïc 刺 落 . Ngöôïc laïi aâm treân laø trì lyù 池 里 . Khaûo Thanh cho raèng: Sæ (褫) cuõng gioáng nhö chöõ laïc 落, aâm só. Ngöôïc laïi aâm thoå loaùt 土

捋 . Thuyeát Vaên cho laø Só nghóa laø bò cöôùp ñoaït caùi aùo. Trong vaên kinh vieát loaùt laø khoâng thaønh chöõ.

Chö khieáu (諸 竅). Ngöôïc laïi aâm khinh kieáu 輕 徼. Trònh Huyeàn chuù giaûi saùch Leã Kyù raèng: Khieáu laø huyeät loã, döông khieåu, thaát aâm, hai

loã tai, hai maét, hai muõi, mieäng, vaø ñaïi tieâu tieän. Trònh Huyeàn chuù giaûi

saùch Leá Kyù raèng: Khieáu laø caùi loå. Thuyeát Vaên cho laø khoâng. Chöõ vieát töø boä huyeät 穴 thanh khieáu tænh 省. AÂm khieáu 徼 laø aâm kieáu 徼.

Yeåm tuùc (俺足). Ngöôïc laïi aâm y dieâm 伊 閻. Thuyeát Vaên cho laø Töø boä khuyeån 犬, ñeán boä cam 甘, boä nhuïc 肉 vieát thaønh voâ yeåm tuùc 無俺 足. Nghóa laø mong caàu khoâng nhaøm chaùn, cho neân töø boä cam 甘 cam ñeán boä nhuïc 肉 ñeán boä khuyeån 犬 . Trong vaên kinh vieát nhieàu khi töø boä nhaät 日 nguyeät 月 vieát thaønh chöõ yeåm, hoaëc vieát töø boä haùn 厂 , aâm haùn 厂 laø aâm haõn 罕, vieát thaønh chöõ yeåm ñeàu chaúng ñuùng.

Uy di (逶 迤). Ngöôïc laïi aâm treân laø uùy vi 喂 韋. AÂm döôùi laø aâm dó y 以 伊. Trong saùch Tuùc Cai Haùn Thö aâm nghóa cho raèng: uy di 逶 迤 laø

doøng nöôùc chaûy quanh co, ngoaèn ngoeøo. Chaùnh chöõ xöa nay cho raèng: Uy di laø ñi ñöôøng taø khoâng ngay thaät. Hai chöõ ñeàu töø boä 辵 xöôùc, ñeàu

töø thanh uõy daõ.

*(Quyeån 382, 383 hai quyeån khoâng coù aâm coù ñeå giaûi thích.)*

# KINH ÑAÏI BAÙT-NHAÕ BA-LA-MAÄT-ÑA QUYEÅN 384

Tích tröø (析 除). Ngöôïc laïi aâm tinh dieäc 星 亦. Vaän Anh Taäp cho raèng: tích 析 laø phaân ra. Thuyeát Vaên cho laø Chaët boû caây, hoaëc töø boä caân vieát thaønh chöõ thaùc 柝 . Trong Thaïch kinh cho raèng: Chöõ vieát töø boä caân

斤 vieát thaønh chöõ tích 析 naøy laø chöõ töôïng hình.

Böùc baùch (逼 迫). Ngöôïc laïi aâm treân laø binh cöùc 兵 棘. Nhó Nhaõ cho raèng: Chöõ 逼 böùc cuõng gioáng nhö chöõ baùch 迫 . Ñoã Döï chuù giaûi Taû Truyeän raèng: Böùc 逼 nghóa laø ñeán gaàn. Ngöôïc laïi aâm döôùi laø boå caùch 補格 . Thieân Thöông Hieät cho raèng: baùch 迫 cuõng laø ñeán gaàn. Quaûng Nhaõ cho raèng: Chaät heïp, caáp baùch, voäi vaøng.

Nhaäm trì (任 持). Ngöôïc laïi aâm nhaäp chaâm 入 針. Trònh Tieãn chuù giaûi saùch Leã Kyù raèng: Nhaäm ( 任 ) laø ngöôøi phuï traùch. AÂm nhaäm laø aâm nhaäp thaäm 入 甚, nghóa laø duøng ñeå sai khieán keû khaùc. Khaûo Thanh cho

raèng: Nhaäm laø kham nhaän laõnh. Quaûng Nhaõ cho raèng: Nhaäm laø sai kh- ieán. Thuyeát Vaên cho laø giöõ gìn, baûo hoä. Chöõ vieát töø boä nhaân 人 thanh nhaäm 壬.

*(Quyeån 385 khoâng coù aâm ñeå giaûi thích.)*

# KINH ÑAÏI BAÙT-NHAÕ BA-LA-MAÄT-ÑA QUYEÅN 386

Baøi öu ( 俳 優 ). Ngöôïc laïi aâm treân laø baïi mai 稗 埋 . Thuyeát Vaên cho laø Baøy troø cöôøi vui veû. Chöõ vieát töø boä nhaân 人 thanh baøi, tænh 俳 省. Ngöôïc laïi aâm döôùi laø öùc cöu 億 鳩 . Thieân Thöông Hieät giaûi thích raèng:

Baøi öu laø ngöôøi laø m troø trình dieãn haøi höôùc vui veû. Coá Daõ Vöông cho raèng: Ngöôøi dieãn vieân laø m vaên ngheä, pha troø cöôøi, laáy söï vui veû cho

ngöôøi vaø töï mình cuõng vui. Thuyeát Vaên cho laø Baøy troø cöôøi. Thuyeát Vaên cho raèng: Öu laø sung tuùc ñaày ñuû. Chöõ vieát ñeàu töø boä nhaân 人 , chöõ hình thanh. Trong vaên kinh vieát töø boä thuû 手 hoaëc vieát töø boä xöôùc vieát thaønh

chöõ baøi öu ñeàu chaúng phaûi.

*(Quyeån 387 ñeán quyeån 391, naêm quyeån naøy ñeàu khoâng coù aâm ñeå giaûi thích.)*

# KINH ÑAÏI BAÙT-NHAÕ BA-LA-MAÄT-ÑA QUYEÅN 392

Pheä Löu Ly (吠 流 璃). AÂm treân laø löu 流, aâm döôùi laø ly 离, tieáng Phaïm, teân cuûa moät vieân ngoïc maøu xanh. AÂm nghóa quyeån hai ôû tröôùc

ñeán quyeån ba möôi chín trong kinh ñaõ giaûi thích ñaày ñuû.

Phaû chi ca (頗 胝 迦) laø tieáng Phaïm, teân vaät baùu, ñuùng Phaïn aâm laø Taùp-phaù-trí-ca (颯 破 置 迦). Xöa dòch laø Thuûy tinh, ôû ñaây noùi laø chaúng

ñuùng, tuy laø loaïi thuûy tinh nhöng coù pha boán maøu sai khaùc laø maøu tím, traéng, hoàng, xanh, oáng aùnh, saïch seõ, saùng choùi trong caùc vaät baùu, maøu hoàng raát ñaäm, maøu xanh thaåm, maøu tím raát traân quyù, maøu traéng trong suoát. Keá laø gioáng nhö tia saùng maët trôøi, trong suoát khoâng coù moät veát baån goïi laø taûng baêng ngaøn naêm hoùa thaønh, noùi vaäy laø sai.

Loa boái (摞 貝). Ngöôïc laïi aâm loâ hoøa. Nhó Nhaõ cho raèng: loaøi coân truøng naøy ôû trong bieån. Quaùch Phaùc cho laø Loaøi oác seân, lôùn maø traéng. Trong kinh Thuyeát Vaên noùi vieát loa 螺 naøy cuõng laø vaên thöôøng duøng. Trong kinh quyeån moät traêm taùm möôi moát ôû tröôùc ñaõ giaûi thích ñaày ñuû.

Y döôïc (醫 藥). Ngöôïc laïi aâm treân laø ö cô 於 飢. Thuyeát Vaên cho laø ngöôøi thaày thuoác trò beänh. Chöõ vieát töø boä daäu 酉 thanh y. Ngöôïc laïi aâm döôùi laø ö keá 於 計. Trong vaên kinh hoaëc vieát töø boä vu 巫 vieát thaønh

chöõ y, vaên thöôøng duøng. Trong quyeån hai tröôùc aâm nghóa ñaõ giaûi thích ñaày ñuû.

Nha khôûi ( 牙 起 ). Ngöôïc laïi aâm hoà coá 胡 固 . Töï Thö cho raèng: nha 牙 laø caùi raêng. Thuyeát Vaên noùi chöõ vieát töø boä truùc 竹 vieát thaønh chöõ

nha, nghóa laø coù theå nhaän laáu sôïi daây ñeå buoäc. Theo Leä saùch vieát löôïc ñi boä truùc 竹 vieát thaønh chöõ nha 牙 , vaên thöôøng duøng laø sai, cuøng vôùi chöõ nha 牙 tham cöùu laø chaúng ñuùng.

Quyû phaïp (匱 乏). Ngöôïc laïi aâm quyø vò 逵 位. Theo Töï Thö cho raèng: quyõ 匱 laø ngheøo cuøng, phaïp 乏 laø thieáu thoán. Thuyeát Vaên noùi chöõ quyõ vieát töø boä phöông 匚 thanh quyù 貴, aâm phöông 匚 laø phöông 方.

Phaån nhueá ( 憤 枘 ) Ngöôïc laïi aâm treân laø phaân vaãn 紛 吻 . Khaûo Thanh cho laø töùc giaän giöõ doäi, taâm khí phaùt leân cuøng cöïc. Trònh Huyeàn

cho laø khí töùc giaän traøn ñaày. Thieân Thöông Hieät cho laø Caêm giaän uaát öùc. Thuyeát Vaên cho laø Haän. Chöõ hình thanh, aâm muoän 懣 ngöôïc laïi aâm moät boån 沒 本.

Taàm töù ( 尋 伺 ). Ngöôïc laïi aâm treân laø töôøng daâm 祥 淫 . Khaûo Thanh cho raèng: Taàm laø doø xeùt daùnh giaù, theo ñuoåi, tìm kieám. Thuyeát Vaên noùi vieát chöõ taàm 尋 , giaûi thích chöõ taàm nghóa laø taàm chaân lyù. Chöõ

vieát töø boä khaåu 口 ñeán boä sam 彡 ñeán boä coâng 工. Chöõ khaåu 口 coâng 工, thaønh ra loaïn, laø töø treân, laïi döôùi laø boä thoán 寸 . Nay theo leä saùch tænh löôïc ñi boä sam 彡 , aâm sam 彡 laø aâm sam 衫 . Vieát chöõ taàm 尋 laø chöõ hoäi yù, vaên coå vieát töø boä tröûu 肘 vieát thaønh chöõ taàm (財).

Phan duyeân (攀 緣). Ngöôïc laïi aâm phoå ban 普 班. Chöõ chaùnh xöa

nay cho raèng: Phan laø daãn daét. Vaên coå vieát ngöôïc laïi, töø chöõ phaûn cung

反供 boä baùt laø ñeán boä thuû 手 thanh phan 攀.

Nhu nhuyeãn (柔 耎). Ngöôïc laïi aâm treân laø nhi chu 而 周. Thuyeát Vaên cho laø Caây cong uoán cho thaúng goïi laø nhu 柔. Chöõ vieát töø boä moäc 木thanh maõo. Ngöôïc laïi aâm döôùi laø nhi xung 而 忡. Thuyeát Vaên cho raèng: nhuyeãn 耎 laø meàm yeáu. Chöõ vieát töø boä ñaïi 大 thanh nhi 而 . Trong vaên kinh vieát nhuyeãn 軟 naøy laø chaúng ñuùng.

*(Quyeån 393 khoâng coù aâm ñeå giaûi thích.)*

# KINH ÑAÏI BAÙT-NHAÕ BA-LA-MAÄT-ÑA QUYEÅN 394

Ñaït noâ 達 奴. Ngöôïc laïi aâm noâ nhaõ 奴 雅. Tieáng Phaïm, nghóa laø

loaïi ngöôøi haï tieän, sanh ôû vuøng bieân ñòa hieåm aùc, cuøng vôùi vaên sau laø mieät leä xa 篾 戾 車 v.v… cuõng ñoàng loaïi.

Mieät leä xa (篾 戾車). Ngöôïc laïi aâm treân laø mieân mieát 眠 鱉. Xöa dòch hoaëc goïi laø maät lieät xa 密 列 車, ñeàu sai. Ñuùng aâm Phaïm laø taát laät ngaâm sa 畢 慄 吟 磋, dòch laø loaïi nöôùc ñuïc dô caáu ueá, thích laø m vieäc

aùc, nghieäp haï tieän, chuûng loaïi ôû vuøng bieân ñòa, khoâng tin chaùnh phaùp, laø

loaïi ngöôøi caáu ueá, dô baån.

Voâ sí (無 翅). Ngöôïc laïi aâm thi dò 詩 異. Hai caùnh con chim goïi laø sí 翅, hoaëc laø vieát hai chöõ sí ñeàu laø chöõ coå.

(*Quyeån 395, 396, 397 ba quyeån naøy ñeàu khoâng coù aâm ñeå giaûi*

*thích.)*

# KINH ÑAÏI BAÙT-NHAÕ BA-LA-MAÄT-ÑA QUYEÅN 398

Thöôøng ñeä (常 弟) Ngöôïc laïi aâm ñeä neâ 弟 泥. Khaûo Thanh vaø Taäp Huaán Truyeän cho raèng: Khoùc cho söï voâ thöôøng goïi ñeä 睇 . Thuyeát Vaên cho raèng: Ñeä laø roáng leân. Chöõ vieát töø boä khaåu 口 thanh ñeä, aâm ñeä ñoàng vôùi aâm treân. Thuyeát Vaên cho raèng chöõ ñeä 弟 töø boä hoå 虎 thanh haùn 厂 , aâm haùn 厂 . Dueä kinh vieát töø boä ñeá 帝 vieát ñeà 啼 , nghóa laø ñau khoå bi

thöông.

Huaát nhieân (? 然 . Ngöôïc laïi aâm huy luaät 暉 律 . Theo Taäp Huaán Truyeän cho raèng: Boång nhieân. Thuyeát Vaên cho laø Gioù thoåi noåi leân. Chöõ hoäi yù.

Bì quyeän (疲 倦). AÂm treân laø bì 皮. Giaû Quyø chuù giaûi saùch Quoác ngöõ raèng: Bì (疲) laø lao nhoïc. Quaûng Nhaõ cho laø Chöõ bì 疲 cuõng gioáng nhö chöõ quyeän 倦, nghóa laø raát moûi meät. Ngöôïc laïi aâm döôùi laø quì nguyeän 逵願 . Quaûng Nhaõ cho raèng: Quyeän cuõng laø raát moûi meät. Khoång An Quoác

chuù giaûi saùch Thöôïng Thö raèng: Quyeän laø bieáng nhaùt. Vaên Ngoïc Thieân cho raèng: Quyeän laø döøng laïi nghæ ngôi, hoaëc töø boä taâm 心 vieát thanh chöõ quyeän 倦, hoaëc töø boä löïc 力 vieát thaønh chöõ quyeán 帣.

Taùn leä (讚 勵). Ngöôïc laïi aâm treân laø uy ñaùn 威 旦. Phöông Ngoân cho raèng: Taùn laø khen ngôïi söï toát ñeïp. Quaùch Phaùc cho laø Ca tuïng ñöùc

taùnh toát ñeïp. Giaûi thích teân goïi raèng: Taùn laø khen ngôïi, ñaây laø giaûi thích theo vaät lyù. Ngöôïc laïi aâm döôùi löïc treä 力 滯 . Trong Queá Uyeån Chaâu Toøng Truyeän giaûi thích raèng: chöõ leä 勵 laø gaéng söùc. Trong Taû Truyeän giaûi thích raèng: Chöõ leä laø gaéng heát söùc mình, laø chöõ hình thanh.

Thöïc chuùng ( 植 眾 ) Ngöôïc laïi laø aâm thöøa löïc 承 力 . Khoång An Quoác chuù giaûi saùch Thöôïng Thö raèng: Chöõ thöïc 植 laø caây moïc leân. Ñoã Döï chuù giaûi Taû Truyeän raèng: Thöïc laø moïc daøi ra, hoaëc vieát töø boä ngaït 歹 vieát thaønh chöõ thöïc 殖 cuõng laø vaên thoâng duïng thöôøng duøng.

Truøy hung ngöôïc laïi aâm ñoïa truy 追 夂. Vaên thöôøng hay duøng vieát ñuùng laø chuøy naøy laø caùi chaøy. Chöõ vieát töø boä moäc 木. Ngöôïc laïi aâm döôùi laø huùc cung 勗恭. Theo Töï Thö cho laø Truøy hung nghóa laø trong loøng oâm ñau khoå oaùn haän, töï mình ñau khoå, huûy hoaïi thaân theå mình.

Hieät tueä ( 黠 慧 ). Ngöôïc laïi aâm treân laø nhaøn kieát 閑 戛 . Phöông Ngoân cho laø Chuû quan, maø aâm giöõa Ñoâng Trieäu vaø Nguïy cho raèng: Tueä (慧) laø hieät 黠, aâm döôùi laø tueä 惠. Giaû Quyø cho laø Saùt, Quaùch Phaùc cho

raèng: Tinh yù. AÂm nghóa kinh quyeån ba traêm leû ba ñaõ giaûi thích ñaày ñuû. Vieân töôøng (垣 牆). Ngöôïc laïi aâm treân laø vieãn nguyeân 遠 元. Theo

Mao Thi Truyeän cho raèng: Vieân ( 垣 ) cuõng gioáng nhö chöõ töôøng 牆 . Ngöôïc laïi aâm döôùi laø töông döông 匠 羊 . Theo Thanh Loaïi cho raèng: Töôøng (牆) cuõng gioáng nhö chöõ 垣. Saùch Thöôïng thö cho raèng: Khoâng daùm vöôït qua böùc töôøng cao laø . Thuyeát Vaên cho laø vieân töôøng 垣 牆 laø che laïi. Chöõ vieát töø boä töông thanh töôøng 爿 . Chöõ töôøng laø chöõ laïi 來 , ñeán boä. Trong vaên kinh vieát töông 墻 laø töôøng 墻 , töôøng 牆 naøy ñeàu laø vaên thöôøng duøng.

Lan thuaãn (欄 楯). Ngöôïc laïi aâm treân laø laëc ñôn 勒 單. AÂm döôùi laø thuøy nhuaän. Thuyeát Vaên cho raèng: lan can laø chuoàng nuoâi thuù. Vöông

Daät chuù giaûi saùch Sôû Töø raèng: Chieàu doïc goïi laø lan can, chieàu ngang goïi thaønh gaùc ngang, giöõa thaønh gaùt ngang goïi laø haïmc 檻 , laø chuoàng nuoâi gia suùc.

Baûo tieäm (寶 塹). Ngöôïc laïi aâm thaát dieãm 七 艷. Thuyeát Vaên cho laø Tieäm (塹) tieäm laø caùi ao bao quanh thaønh. Chöõ vieát töø boä thoå 土 thanh traûm 斬 . Khaûo Thanh cho laø caùi haàm daøi. Vaän Anh Taäp cho raèng: Caùi haàm nhoû. Vaên Ngoïc Thieân cho raèng: Caùi ao bao quanh thaønh goïi laø tieäm 塹, hoaëc vieát laø tieäm 漸 cuõng thoâng duïng.

Nhai haïng ( 街 巷 ). AÂm treân laø giai 皆 . Khaûo Thanh cho laø con ñöôøng lôùn ôû trong thaønh aáp. Ngöôïc laïi aâm döôùi laø hoïc giaùng 學 降. Theo

Mao Thi Truyeän cho laø con ñöôøng giöõa ôû trong, töùc laø ñöôøng heûm. Vaän Anh Taäp cho laø con ñöôøng nhoû. Hoaëc laø vieát haïng 衖 , ñeàu laø chöõ coå. Nay löôïc ñi neân vieát laø haïng 巷.

Thò trieàn ( 市 廛 ). Ngöôïc laïi aâm tröôøng lieân ⾧ 連 . Trònh Chuùng chuù giaûi saùch Chu Leã raèng: Trieàn laø nôi ôû. Trònh Huyeàn chuù giaûi saùch

Leã Kyù raèng: Trieàn laø caùi chôï, nôi buoân baùn, laø thò xaù, haøng quaùn. Ngoïc Thieân cho laø trong thaønh thò, khoaõng nöõa maãu ñaát troáng, nôi tuï taäp ñoâng

ñuùc, goïi laø 廛 trieàn. Trong vaên kinh vieát trieàn naøy cuõng laø vaên thöôøng duøng, chöõ vieát löôïc bôùt ñi.

Caéng dó (亙 以). Ngöôïc laïi aâm khaû ñaêng 可 鐙. Vaän Anh Taäp cho raèng: Caéng 亙 laø thoâng suoát. Khaûo Thanh cho laø raát xa. Mao Thi Truyeän

cho laø truøm khaép. Phöông Ngoân cho laø ñeán cuøng toät. Hoaëc vieát caùnh laø chöõ coå.

Baûo phaõng (寶 舫). Ngöôïc laïi aâm phuùc voïng 福 望. Saùch Nhó Nhaõ cho raèng: Phaõng laø chieác thuyeàn. Quaùch Phaùc cho laø hai chieác thuyeàn hai beân goïi laø phaûng 舫.

Kieáp ñòch (劫 敵). Ngöôïc laïi aâm ñeà ñích 提 的. Khaûo Thanh cho raèng: Ñòch (敵) laø ñoái ñaàu. Theo chöõ ñòch 敵 cuõng gioáng nhö laø oaùn thuø

vôùi nhau. Kieáp ñòch, nghóa laø ôû treân thaønh phuïc binh phoøng ngöï, chôø keû thuø ñòch tôøi ñeå ñoái ñòch nhau.

Tró ñieäp ( 雉 堞 ). Ngöôïc laïi aâm treân laø trì lyù 池 履 . Töï Thö cho raèng: Tró (雉) laø saép baøy ra. Coâng Döông Truyeän cho raèng: Naêm mieáng vaùn goïi laø böùc töôøng, naêm böùc töôøng goïi laø tró ( 雉 ) (böùc töôøng cao),

moät traêm böùc töôøng cao goïi laø thaønh. Haø Höu cho laø Daøi hai möôi ngaøn thöôùc. Khaûo Thanh cho laø Thaønh daøi ba tröôïng, cao moät tröôïng, goïi laø tró 雉 , saùch Leã Kyù cho raèng: Thaønh cuûa vua laø moät tró che khaép moät tró goïi laø thaønh, moät ngaøn thaønh, thaønh cuûa Coâng vaø Haàu laø moät traêm böùc töôøng, thaønh cuûa Baù laø baûy möôi böùc töôøng, thaønh cuûa Töû, Nam laø naêm

möôi böùc töôøng. Nhöng thaønh cuûa caùc Chö Haàu ñeàu thieáu beà maët thaønh, neân thoï nhaän cho qua, nhöng choã ôû maø khoâng vöõng chaéc. Ngöôïc laïi aâm döôùi laø ñoà giaùp 徒 頰. Ñoã Döï chuù giaûi Taû Truyeän raèng: Ñieäp (堞) cuõng

laø thaønh. Treân töôøng raát an oån, yeân tónh. Thuyeát Vaên cho laø Böùc töôøng cao cuûa caùc cung nöõ ôû. Chöõ vieát töø boä thoå 土 ñeán boä dieäp thanh tænh 省.

Huyønh dó (滎 以). Ngöôïc laïi aâm 贏 伻 dinh bình, aâm dinh 贏 ngöôïc laïi aâm nhueá tònh 枘 并 . Vaän Thuyeân Taäp cho laø Maøi haït chaâu, lau chuøi göông cho saùng. Vaän Anh Taäp cho laø Huyønh 滎 cuõng gioáng nhö maøi ngoïc, hoaëc laø vieát huyønh.

Xuyeát dó 綴以. Ngöôïc laïi aâm truy veä 追 衛. Giaû Quyø chuù giaûi saùch Quoác ngöõ raèng: Xuyeát laø noái keát laïi. Vöông Daät chuù giaûi saùch Sôû Töø laø Boù buoäc laïi. Thuyeát Vaên cho laø Keát hôïp laïi, hoaëc vieát laø treä 彘 ñeàu laø

chöõ coå.

Baûo ñaïc (寶 鐸). Ngöôïc laïi aâm ñoà caùc 徒 各. Trònh Huyeàn chuù giaûi saùch Chu Leã raèng: Ñaïc 鐸 laø caùi linh lôùn baèng ñoàng duøng ñeå hieäu lònh.

Khoång An Quoác chuù giaûi saùch Luaän Ngöõ raèng: Caùi moû, caùi linh baèng vaøng, cuõng nghóa laø löôõi cöùng nhö goã duøng lôøi vaên maø khuyeân baûo. Trong vaên kinh noùi Baûo ñaïc laø “giaûng noùi phaùp aâm”. Trong quyeån nhaát ôû tröôùc ñaõ giaûi thích.

Laõnh noaõn (冷 煖). Ngöôïc laïi aâm treân laø loõ canh 魯 粳. Quaûng Nhaõ cho raèng: Tieåu haøn. Thuyeát Vaên noùi chöõ vieát töø boä baêng 冫 aâm baêng 冰 thanh lónh 令 . Ngöôïc laïi aâm döôùi laø noâ quaûn 奴 管 . Theo saùch Quaàn Thö Töï yeáu cho raèng: Noaõn laø aám. Chöõ vieát töø boä hoûa thanh nhuyeãn 耎 . Cuõng coù vieát töø boä noaõn 暖 hai chöõ noaõn ñeàu laø vaên chöõ thöôøng duøng.

Phieám daïng ( 泛 漾 ). Ngöôïc laïi aâm treân laø phöông phaïm 芳 梵 , theo Töï Thö cho raèng: Phieám laø noåi treân maët nöôùc. Trong vaên kinh vieát phieám 汎 naøy, vaên thöôøng duøng, chöõ phieám 汎 naøy ñeàu chaúng phaûi nghóa trong kinh duøng. Ngöôïc laïi aâm döôùi laø döông löôïng 陽 亮 , hoaëc laø vieát daïng, nghóa ñeàu khaùc nhau, chöõ chaùnh theå hôïp neân vieát laø döông 颺 . Theo chöõ phieám daïng 泛 漾 ñoù, nghóa laø töï bôi loäi trong nöôùc, maø chöõ

döôõng laø soùng nöôùc. Nghóa tuy cuõng ñoàng nhöng hôi laï. Boån yù cuûa kinh ñoåi laïi laø vieát chöõ döông 颺, nghóa laø gioù cuoán tung leân.

(嗢 鉡 羅 花, 特 摩 花. 拘 陀 花, 奔 茶 利 花). Boán caâu Lieân Hoa treân, quyeån ba traêm möôøi taùm tröôùc ñaõ giaûi thích ñaày ñuû roài. ( OÁt baùt la hoa, Ñaëc ma hoa- Caâu möu ñaø hoa- Boân-traø-lôïi-hoa).

Tieân uùc ( 鮮 郁 ). Ngöôïc laïi aâm treân laø töông dieân 相 延 . Quaûng Nhaõ cho raèng: Tieân (鮮) laø raát töôi toát. Thanh Loaïi cho laø raát môùi. Theo

chöõ tieân, laø raát saùng suõa. Ngöôïc laïi aâm döôùi laø ö luïc 於 六 . Theo chöõ tieân uùc 鮮 郁 ñoù nghóa laø loaøi hoa töôi raát thôm, raát ñeïp saùng suõa, röïc

rôõ, raát troøn ñaày. Theo saùch Luaän Ngöõ cho raèng: UÙc laø vaên chöông boùng baãy, suùc tích.

Chu hoaøn (周寰). AÂm hoaøn 還. Coác Löông Truyeän cho raèng: Hoaøn laø caùc chö haàu beân trong. Löu Trieäu cho raèng: Hoaøn laø ñaát nghìn daëm.

Queá Uyeån Chaâu Toøng cho raèng: Ñaát ngaøn daëm ñoù laø vua ban cho caùc nöôùc chö haàu.

Tung quaûng ( 縱 廣 ). Ngöôïc laïi aâm tuùc dung 足 容 . Töï Thö cho

raèng: Ñöôøng thaúng laø tung 縱, ñöôøng ngang goïi laø quaûng 廣, laïi goïi laø Nam Baéc laø doïc, Ñoâng Taây laø ngang.

Caâu Loâ Xaù ( 俱 盧 舍 ). Dòch nghóa laø tieáng roáng cuûa con boø lôùn. Choã goïi laø raát xa. Döïa theo Luaän Caâu-Xaù cho raèng: Moät khuyûu tay vöôn daây cung baén ra tính ra laø moät caâu-loâ-xaù, goàm coù hai daëm, ñaây laø döïa theo giöõa ñaát baèng. Neáu nôi cao thì cuõng coù theå trong voøng naêm daëm, ñeàu ñöôïc nghe thaáy thì goïi laø Caâu-loâ-xaù.

AÙnh teá (映蔽). Ngöôïc laïi aâm treân laø ö kính 於敬. Khaûo Thanh cho raèng: AÙnh saùng choùi chang, cuõng goïi laø bò che aån maát. Vaän Anh Taäp cho raèng: Chieáu saùng moät beân, hoaëc laø vieát aùnh 映 laø chöõ coå, cuõng raát thoâng duïng. Ngöôïc laïi aâm döôùi laø bi dueä 裨袂. Vaän Anh Taäp cho laø Bò ngaên

che. Khaûo Thanh cho laø Bò ngaên che. Trong kinh quyeån thöù nhaát tröôùc ñaõ giaûi thích ñaày ñuû hai chöõ roài.

Khoång töôùc ( 孔 雀 ). Ngöôïc laïi aâm töùc döôïc 即 藥 . Trong truyeän Xuaân Thu Nguyeân Maïng Bao goïi laø Xa lìa hoá löõa goïi laø khoång töôùc 孔雀 . Laïi cho raèng: Nöôùc Keá-Taâm coù raát nhieàu chim Khoång töôùc, chaúng

nhöõng moät con maø hôïp laïi thaønh moät baày, chính laø laáy aâm aûnh töôùng, keá laø nghe tieáng saám seùt maø mang thai.

Anh vuõ (鸚 鵡). Ngöôïc laïi aâm treân laø ñieåu canh 鳥 耕. AÂm döôùi laø vuõ 武 , hoaëc laø vieát coát 鶻 , hai theå cuõng ñoàng. Trong kinh Sôn Haõi cho

raèng: ÔÛ nuùi Hoaøng Sôn coù loaïi chim naøy, loâng maøu xanh, moû ñoû, coù theå noùi tieáng ngöôøi, neân goïi laø Anh Vuõ. Theo kinh Khuùc Leã cho raèng: Chim Anh Vuõ coù theå noùi ñöôïc tieáng ngöôøi nhöng khoâng theå bay xa ñöôïc.

Phuø eâ (鳧 鷖). Ngöôïc laïi aâm treân laø boå vu 哺于. Nhó Nhaõ cho laø caùc loaøi chim, aâm moäc ( 木 ) Quaùch Phaùc chuù giaûi cho laø con vòt. Khaûo Thanh cho laø con le le nhoû. Töï Thö cho raèng: Chöõ vieát töø boä ñieåu 鳥 ñeán boä kyû 几, aâm kyû 几. Coù loaøi chim teân laø thuø kyû 殊 几, loâng ngaén, bay chæ maáy daëm. Chöõ treân laø hình, chöõ döôùi laø thanh. Ngöôïc laïi aâm daäu heà 脰兮. Khaûo Thanh cho raèng: EÂ 鷖 laø loaøi chim phuïng, loâng maøu xanh ñen,

laø loaøi chim soáng döôùi nöôùc. Theo Mao Thi Truyeän cho raèng: Phuø eâ laø loaøi chim phuïng. Trong Kinh Truyeän cho laø thuoäc loaøi le le. Thuyeát Vaên

noùi cuõng ñoàng. Chöõ vieát töø boä ñieåu 鳥 , thanh eâ. Chöõ döôùi töôïng hình, chöõ treân hình thanh.

Hoàng nhaïn (鴻 鴈). Ngöôïc laïi aâm treân laø hoà coâng 胡 公. Vaän Anh Taäp cho laø Thuoäc loaøi thuûy ñieåu. Khaûo Thanh cho raèng: Chim hoàng, loaøi chim thuoäc gioáng nhaïn, nhöng raát lôùn, caùnh daøi, ñaàu coå ñeàu coù maøu

vaøng saãm, caùnh maøu ñen, thuoäc loaïi chim lôùn. Quaùch Phaùc cho raèng:

Loaïi chim hoàng bieát vaän chuyeån, thay theá ngöôøi ñeå ñöa tin, hoaëc vieát laø hoàng (鴻) hoàng (鴻) ñeàu laø chöõ coå. Ngöôïc laïi aâm döôùi laø nhan giaùn 顏 諫 ), hoaëc laø vieát nhaïn 鴈 naøy cuõng ñoàng. Theo Mao Thi Truyeän cho raèng: Lôùn goïi laø hoàng 鴻, nhoû goïi laø nhaïn 鴈. Theo chöõ Hoàng nhaïn ñoù,

laø loaøi chim höôùng theo maët trôøi. Saùch Leã Kyù cho raèng: Theo maët traêng goïi laø muøa thu, Hoàng nhaïn theo muøa thu tôùi goïi laø Khaùch, Khaùch töùc laø nhaïn. Moãi muøa thu tôùi, loaøi chim naày daãn con bay veà höôùng Nam ñeå traùnh giaù laïnh, ñaàu muøa xuaân laàn laàn bay veà höôùng Baéc ñeå traùnh aùnh naéng thieâu ñoát cuûa maët trôøi. Thuyeát Vaên cho laø loaøi Nhaïn thuoäc loaøi ngoãng, cuõng teân laø lôïi da, nghóa laø con chim ñem ñeán ñieàu vui möøng. Phöông Ngoân cho raèng: Töï ñoùng cöûa maø höôùng veà phía Baéc goïi laø

Nhaïn, laø haûi aâu, ngoaøi höôùng Nam Sôû goïi laø Thöông AÂu. Nay ngöôøi ôû Giang Ñoâng goïi Nhaïn laø chim Haûi aâu, hoaëc vieát ca 歌 laø chöõ coå, hoaëc vieát Giaù töû hö phuù 駕 子 虛 賦. Goïi laø con chim boà caâu lieân laïc vôùi choã ñoùng quaân, cuõng goïi laø con ngoãng trôøi.

Hoaøng muïc (黃目) Ngöôïc laïi aâm thaát dö 七餘. Hoaëc laø vieát muïc 目naøy cuõng ñoàng. Teân laø loaøi chim Tu huù. Theo Mao Thi Truyeän cho raèng: Ñöùng trong cöûa maø nhìn con chim Tu huù laø vaäy, cuõng teân con chim Chuù. Nhó Nhaõ cho raèng: Con chim Tu huù ñaàu ñeøn. ÔÛ Quaûng Ñoâng goïi laø con chim hyû, laø con chim mang ñieàm laø nh, noù thöôøng ôû coàn baõi.

Thöông canh (鶬 鶊). AÂm treân laø thöông 倉, aâm döôùi laø 庚 canh. Saùch Nhó Nhaõ cho laø chim Thöông quaùt 鶬 鴰. Loaïi chim naøy gioáng nhö nhaïn maø maøu ñen, cuõng gioáng nhö chim haïc. AÂm quaùt 鴰 ngöôïc laïi aâm coå hoaït 古 活 . Quaùch Phaùc cho raèng: Nay goïi loaøi chim naøy laø Thöông Quaùt (töùc laø chim Haïc). Laïi cuõng goïi laø Thöông Canh (鶬 鶊). Nghóa laø

noù môû ñöôøng ñeán, daãn ñeán ñoàng ruoäng, thì nôi ñoù raát doài daøo, giaøu coù.

Cuõng goïi laø con chim ñaàu ñaøn coù caùnh to baèng caùi troáng, chim Thöông

canh tieáng keâu raát buoàn aùo naõo, coå noù gioáng nhö con chim Tu huù. AÂm cöu 鳩 ngöôïc laïi aâm hoà laõng 胡 浪, tieáng keâu oang oang, quaùt quaùt laø . Baïch Haïc (白 鶴). Ngöôïc laïi aâm haø caùc (何 各). Trong vaên kinh

vieát hoäc 鵠 laø sai. AÂm hoäc 鵠 ngöôïc laïi aâm hoà moäc 胡 木. Loaïi chim naøy

coù maøu vaøng xanh, maø moû noùlaïi ngaén. Choã naøo cuõng ñeàu coù loaïi chim naøy. Thuyeát Vaên cho laø chim Hoàng haïc. Ngoïc Thieân cho raèng: Chim 鵠hoäc laø loaïi ngoãng trôøi, moû maøu vaøng, cuõng gioáng nhö chim haïc 鶴, loâng maøu xanh vaøng, cho neân bieát chaúng phaûi chim haïc. Chim haïc maøu traéng

maø moû noù laïi daøi, soáng laâu moät ngaøn naêm, treân ñaàu noù coù chaám ñoû. Töï Thö cho raèng: Chim Haïc cuõng gioáng nhö con ngoãng trôøi maø moû daøi, laø loaïi chim Thaàn Tieân. Thaáy ñöôïc chim naøy laø ñieàu toát laø nh may maén. Bao Phaùc Töû cho raèng: Tieáng keâu cuûa con chim vang ñeán chín taàng maây, caùc coõi trôøi ñeàu nghe tôùi. Hoaøi Nam Töû cho raèng: Con gaø bieát gaùy

saùng, con chim Haïc bieát trôøi saép toái tôùi nöõa ñeâm. Thuyeát Vaên noùi chöõ vieát töø boä 鳥 ñieåu thanh haïc. Ngöôïc laïi aâm 何 各 haø caùc. Thuyeát Vaên noùi laïi giaûi thích chöõ haïc, chöõ vieát töø boä quynh 冂 , ngöôïc laïi aâm quyù dinh 癸贏, töø chöõ chuy 隹, chuy 隹 laø con chim, laø con chim bay cao vöôït leân treân, yù muoán noùi ra khôõi ( quynh 冂).

Xuaân oanh ( 春 鶯 ). Ngöôïc laïi aâm ö canh 於 耕 . Theo Mao Thi Truyeän cho raèng: ÔÛ ngoaøi cöûa coù tieáng hoùt trong treûo, yeåu ñieäu, uyeãn

chuyeãn laø con chim Oanh, loâng noù maøu vaøng. Theo truyeän cho raèng: Chim Oanh laø loaïi chim vaên, nghóa laø uyeån chuyeån vaên thaùu nheï nhaøng,

raát eâm tai. Khaûo Thanh cho raèng: Loâng Chim Oanh coù choàm vaên. Trong kinh vieát anh 嚶 naøy laø sai. Tyø Thöông cho raèng: Theâ anh, aâm theâ 妻 .

Ñoâng Di cho laø loaøi chim. Quaûng Nhaõ cho raèng: Con chim quaùi laï, chaúng phaûi chim Xuaân oanh.

Thu loä (鶖 鷺). AÂm treân laø thu 秋, aâm döôùi laø loä 路. Hoaëc vieát laø thuùc loâ 菽 鸕 ñeàu laø chöõ coå. Coá Daõ Vöông cho laø loaïi chim to lôùn, loâng

noù raát ñeïp maøu traéng, duøng laø m taám thaûm. Theo Mao Thi Truyeän cho raèng: Coù loaøi chim Thu ôû laø coù löông thöïc. Theo Truyeän cho raèng: ngoác

thu 禿 鶖, laø chim Phoø laõo, gioáng Thuûy ñieåu nhö chim Haïc maø lôùn, loâng maøu xanh, caùnh dang roäng, coå cao. Ñaàu vaø coå ñeàu khoâng coù loâng, da

ñaàu ñoû, moû deïp, döôùi tuùi ñöïng nhö Boà noâng, chaân moùng nhö gaø, tính tham aên, aên caùc loaøi caù, chim con, raén v.v… Laïi cuõng goïi laø chim Chaán loä bay tôùi. Nhó Nhaõ cho raèng: Chim Loä töùc laø con coø, noù thöôøng ñeán choã giaõ gaïo, choã cuoác ñaát ñeå tìm thöùc aên. Quaùch Phaùc cho laø con coø traéng,

treân ñaàu caùnh treân löng ñeàu coù loâng daøi. Nay ngöôøi ôû Giang Ñoâng laáy laø m loâng mi, goïi teân laø loâng con coø traéng laø m sôïi tô, aâm toâ 穌 ngöôïc laïi aâm toâ oåi 穌 隈, naøy goïi con chim Phoø laõo laø con coø traéng, ñeàu laø moät loaïi chim.

Uyeân öông (鴛鴦). Ngöôïc laïi aâm treân laø 於袁, AÂm döôùi laø ö cöông

( 於 僵 ). Theo Mao Thi Truyeän cho raèng: Chim uyeân öông bay tôùi, noùi loaøi chim naøy khi döøng nghó ñaäu laïi thì con khaùc thaønh ngaãu bay tôùi thì laø moät ñoâi song bay. Giaùo tinh: treân laø aâm giao, döôùi laø aâm tinh. Kinh sôn Haûi cheùp: nuùi maïn Lieân coù loaøi chim teân Giao tinh, gioáng nhö con vòt maø bay thaønh baày.

Phæ thuùy (翡?) Ngöôïc laïi aâm treân laø phì vò 肥 味. Nam Chaâu Chí cho raèng: Con chim Traõ lôùn baèng con cuù meøo, loaøi nhoû gioáng con quaï,

maøu ñoû. Ngöôøi daân ôû Quaûng Chaâu baét aên thòt, khoâng bieát quyù loâng cuûa loaøi chim naøy. Khaûo Thanh cho raèng: Loâng noù maøu ñoû gioáng nhö loâng

con gaø troáng, neân goïi laø chim Phó. Thuyeát Vaên cho laø Loâng maøu ñoû laø chim seû. Chöõ vieát töø boä vuõ 羽 thanh phi 非 . Ngöôïc laïi aâm döôùi laø sanh

tuïy. Theo Nam Chaâu Kyù cho raèng: Chim thuùy saùu coïng loâng daøi moät taác hôn, maøu xanh luïc, khi bay ra khoûi röøng raäm, thì maøu xanh bieán thaønh

maøu hoàng, neân goïi laø Thuùy. Thuyeát Vaên cho raèng: Con seû loâng xanh. Chöõ vieát töø boä vuõ 羽 thanh toát 卒.

Tinh veä (精 衛). Trong kinh Sôn Haûi cho laø teân coâ gaùi vôï cuûa Vua Dieâm Ñeá, goïi laø Nöõ Oa. Phöông Ngoân thì goïi ngöôïc laïi, laø teân cuûa coâ

gaùi ñeïp, goïi laø Nöõ Oa. Daïo chôi treân bieån Ñoâng Haûi bò chìm xuoáng nöôùc neân khoâng trôû veà ñöôïc, neân hoùa thaønh con chim teân laø Tinh veä, Vua beøn baét ñem veà ôû treân nuùi Taây, duøng goã ñaù maø laáp bieån Ñoâng Haûi ñeå baùo oaùn cho con gaùi. Moät goïi laø töï keâu leân, töùc laø töï goïi laø Tinh veä.

Coân keâ. Ngöôïc laïi aâm treân laø coân 昆 . Coá Daõ Vöông giaûi thích raèng: Chim Coân gioáng nhö chim Haïc maøu vaøng nhaït, thaân to lôùn. Töï

Thö hoaëc laø vieát quaân cuõng ñoàng. Sôû Töø cho raèng: chim Coân keâ bieát hoùt vaøo luùc saùng sôùm, tieáng hoùt cuûa noù raát buoàn. AÂm döôùi hoaëc laø vieát keâ

雞 cuõng thoâng vôùi chöõ treân.

Xuùc luïc (歜琭) Ngöôïc laïi aâm treân laø chi duïc 之 欲. Ngöôïc laïi aâm döôùi laø ngöôïc loäc 虐祿. Trong kinh Sôn Haûi noùi raèng: ÔÛ trong vuøng ho-

ang daõ roäng lôùn coù loaïi chim naøy, ñaàu vaøng chaân ñoû, chaân coù saùu ngoùn, teân goïi “ Xuùc luïc”. Nhó Nhaõ cho raèng: Laø con quaï treân nuùi. Quaùch Phaùc cho raèng: Gioáng nhö con quaï maø nhoû hôn, moû noù maøu ñoû, ôû vuøng Luïc Nhö Taây Truùc. Quaùch Phaùc cho raèng: Con chim “Xuùc luïc” gioáng nhö con vòt maø lôùn hôn, daøi hôn, chim luïc maét maøu ñoû, moû ñeàu maøu vaøng cam.

Vieän cö (媛居). AÂm treân laø vieân 袁. Ngöôïc laïi aâm döôùi laø cö 居. Saùch Quoác Ngöõ cho raèng: Con Haûi Ñieåu. Thôøi Haùn Nguyeân Ñeá, Trònh

Lang coù loaïi chim lôùn, gioáng nhö con ngöïa khoûe maïnh chaïy ngaøn daëm. Thôøi ñoù ngöôøi ta goïi laø chim “Vieän cö”. Nhó Nhaõ cho raèng: “Vieän cö”

laø hoãn loaïn, taïp loaïn. Trang Töû cho raèng: Vieän cö laø chim bieån, thöôøng döøng ôû nöôùc Loã.

Coân phuïng ( 崑 俸 ) Ngöôïc laïi aâm döôùi laø phoøng phuùng 房 諷 . Truyeän Mao Thi, Nghóa Löu cho raèng: Con gaø troáng goïi laø Phuïng, con

gaø maùi goïi laø Hoaøng laø chaúng ñuùng. Chim Phuïng hoaøng ñaäu treân caây ngoâ ñoàng, chaúng phaûi ñaäu treân caønh truùc, chaúng thaät thöùc aên laø khoâng aên. Trong kinh Sôn Haûi cheùp: ÔÛ nuùi Ñan Huyeät, coù loaøi chim hình daïng gioáng nhö chim Haïc coù loâng nguõ saéc, laïi coù hoa vaên nöõa, teân laø Phuïng hoaøng. Quaûng Nhaõ cho laø Phuïng hoaøng, ñeàu gioáng con gaø, haøm eùn, coå raén, thaân chim hoàng, ñuoâi caù. Gioáng chim maø con troáng goïi laø Phuïng, laø tinh cuûa hoûa, con caùi laø Hoaøng, sinh ôû Ñan Huyeät, khoâng phaûi caây ngoâ ñoàng thì khoâng ñaäu, khoâng phaûi traùi truùc thì khoâng aên, khoâng phaûi nöôùc suoái ngoït thì khoâng uoáng. Thaân coù naêm maøu, keâu ñuùng naêm aâm. Khoâng phaûi ngöôøi ñaït ñaïo thì khoâng theå thaáy ñöôïc, khi bay thì caùc loaøi chim khaùc bay theo. Theo saùch Nhó Nhaõ ghi raèng: Loaøi chim naøy laø choã sinh ra ngöôøi taøi, nhö ñaàu vaên goïi laø ñöùc, caùnh vaên goïi laø thuaän, löng vaên goïi laø nghóa, buïng vaên goïi laø tin, öùc vaên goïi laø huøng, tieáng keâu goïi laø tieát taáu. Con maùi hoùt goïi laø tuùc, tuùc töùc buoåi toái, thöôøng hoùt vaøo buoåi tröa, buoåi toái vaø buoåi saùng. Khi phaùt hieän ra ban ngaøy noù cuõng hoùt, ñeå baûo ñaûm laâu daøi, tieáng ñöa cao leân, goïi laø treân caùnh taäp trung laïi hoùt goïi laø quay veà, khi thaáy ñöôïc chim Phuïng hoaøng thì trong thieân haï thaùi bình.

Thuyeát Vaên cho laø loaøi Chim Thaàn, thöôøng ôû phöông Ñoâng, laø nöôùc coù ngöôøi quaân töû. Chöõ vieát töø boä ñieåu 鳥 thanh phaøm 凡.

Dieäu sí ( 妙 翅 ). Ngöôïc laïi aâm thi chí 尸 至 . Töùc laø chim caùnh vaøng, hoaëc goïi laø Ca-laâu-la 迦 婁 羅, hoaëc teân laø AÙt-loä-traø 椏 路 茶, ñeàu laø tieáng Phaïm, goïi laø sai. Ñuùng aâm Phaïm laø nghieät loã naõ 孽嚕拿. Trong

kinh goïi laø Dieäu sí, chính laø hình traïng cuûa noù, maø teân laø chaúng ñuùng chaúng dòch laø ñoái ñòch.

Ñeá hoà (諦 胡). Ngöôïc laïi aâm treân laø ñoà keâ 徒 雞. AÂm döôùi laø hoà 胡, hoaëc laø vieát theá di 剃 夷. Nhó Nhaõ ghi raèng: Nay goïi laø theá hoà 剃胡laø moät baày chim bay tôùi vaøo uoáng nöôùc baét caù aên goïi laø ôû ao hoà. Vaên

thöôøng duøng goïi laø ôû soâng hoà, hoà ao cuûa chim. Mao Thi Truyeän cho raèng: Chæ coù chim di ôû. Löông Coác löông Truyeän cho raèng: Chim ao hoà.

Yeát La Taàn Ca ( 羯 羅 頻 迦 ), laø tieáng Phaïm, teân moät loaøi chim, cuõng goïi laø Ca-laêng-taàn-giaø. Haùn dòch laø (tieáng hoùt myõ mieàu thanh hay.

Khi tuyeát rôi nhieàu loaøi chim naøy ôû trong hang nuùi ñeû tröùng, cuõng coù theå hoùt tieáng hay thanh tao, hoøa nhaõ, ngöôøi nghe raát vui möøng.

Maïng maïng ñieåu 命 命 鳥 . AÂm Phaïm goïi laø Baø kyø baø ñieåu 婆 耆婆 鳥. Haùn dòch laø 命命 據 maïng maïng cöù. Ñaây töùc laø theo tieáng maø laäp teân, khi noù hoùt töùc laø töï noù keâu leân, kyø baø, kyø baø.

Phaùp duõng 法 涌 . Ngöôïc laïi aâm 羊 腫 döông thuõng. Thuyeát Vaên cho laø Duõng laø vöôït hôn, söùc maïnh thaéng hôn, hoaëc vieát chöõ 勇 duõng naøy cuõng ñoàng.

Yeát Keâ Ñoâ Baûo 羯 雞 都 寶. Tieáng Phaïm, teân moät loaïi chaâu baùu, ñaây laø thuûy tinh, teân khaùc cuûa loaïi thuûy tinh naøy quyù baùu nhoû maøu traéng gioáng nhö tröùng ngoãng, raát nhieàu.

Kyø ñaêng (其 蹬). Ngöôïc laïi aâm ñaêng ñaëng 登 鄧. Quaûng Nhaõ ghi raèng: Ñaêng 蹬 laø giaøy deùp, töùc laø mang deùp, giaøy, giaãm ñaïp leân theàm baäc treân ñöôøng.

Phoâ yû ba (鋪 綺 粑). Phoâ, ngöôïc laïi aâm phoå hoà 普 胡. Quaûng Nhaõ cho raèng: Phoâ laø baøy ra, giaêng ra, nghóa laø khoe khoang. Vaän Thuyeân Taäp cho raèng: Saép baøy giöôøng neäm. Khaûo Thanh cho raèng: Traõi khaép luïa theâu hoa. AÂm yû ngöôïc laïi aâm hö yû 墟 倚. Nghóa laø laáy hai maøu saéc tô

maø deät thaønh hoa vaên, xuaát xöù töø nöôùc Ngoâ Vieät, keá laø gaám thieâu. AÂm ba 粑 ngöôïc laïi aâm phoå baù 普 霸. Khaûo Thanh cho raèng: Ba laø caùi chaên lôùn, hoaëc vieát töø boä y 衣 vieát thaønh chöõ ba 粑.

Baïch ñieäp (白 疊) Ngöôïc laïi aâm ñoà giaùp 徒 頰. ÔÛ Taây Vöïc laø teân moät loaïi coû, loaïi coû naøy hoa cuûa noù raát mòn coù theå deät laø m vaûi.

Ñan chaäm (丹 枕). Ngöôïc laïi aâm chaâm nhaäm 針 荏. Phong tuïc ôû nöôùc Thieân-truùc, khoâng duøng goã ñaù laø m goái, ñeàu duøng da hoaëc vaûi maøu ñoû, maø laø m goái keâ hai beân choã döïa. Laáy boâng Ñoå La Mieân vaø laáy loaïi loâng mòn maø laø m goái, hoaëc duøng laø m goái keâ ñaàu, hoaëc laø goái döïa, pha maøu saéc ñoû, hoàng, tím hoøa troän maø duøng.

Vi ñaùi (幃 帶). Ngöôïc laïi aâm töï uy 字 威. Theo Töï Thö cho raèng: Vi laø maøn che, böùc tröôùng, hoaëc laø m luïa vaûi vieát lôøi chuùc toát ñeïp goïi laø

vi. Hoaëc laø vieát töø boä caân 巾 vieát thaønh chöõ duy 帷. Thuyeát Vaên noùi chöõ vieát töø boä caân 巾 thanh vi 韋.

Uyeãn dieân (尪宛) Ngöôïc laïi aâm treân laø uyeân vieãn 鴛 遠. Ngöôïc laïi aâm döôùi laø 餘 旃 dö chieân. Trong kinh noùi “Uyeãn dieân” ñoù töùc laø loaïi

luïa quyù giaù raát ñeïp, loaïi caåm theâu, chaên neäm theâu, cuõng laø loaïi aùo thieâu saëc sôõ cuûa cung nöõ ca muùa trong cung vua.

YÛ maïn (綺 幔). Ngöôïc laïi aâm treân laø khö yû 袪 倚. AÂm döôùi laø möu baïn 謀 伴 . Khaûo Thanh cho raèng: Maïn laø loaïi reøm che. Chöõ chaùnh theå vieát töø boä caân 巾 döôùi töø boä höïu 又 vieát thaønh chöõ maïn 幔 . Trong vaên kinh vieát töø boä taâm 心 vieát thaønh chöõ maïn 慢, laø vaên thöôøng duøng laø

chaúng ñuùng.

Truùng ñoäc (中 毒). Ngöôïc laïi aâm tröông trung 張 忠. Khaûo Thanh cho laø Ñang ngoä ñoäc.

Phaán taán (奮迅). Ngöôïc laïi aâm treân laø phuû vaán 府 問. Trònh Huyeàn chuù giaûi saùch Leã Kyù raèng: Phaán laø ñoäng. Vaän Anh Taäp cheùp laø Chaán vuõ. Quaûng Nhaõ cho laø Chaán. Khaûo Thanh cho laø Môû ra. Ngöôïc laïi aâm döôùi

laø tuaàn tuaán 詢 俊. AÂm nghóa kinh quyeån hai ôû tröôùc vaø quyeån ba möôi saùu ñaõ giaûi thích ñaày ñuû.

Sôû baåm ( 所 稟 ). Ngöôïc laïi aâm 彼 錦 bæ caåm. Thuyeát Vaên laø chöõ vieát töø boä baåm 稟 ñeán boä hoøa. Trong vaên kinh vieát baåm 稟 naøy laø sai.

Thuû löôïng (取 量). Ngöôïc laïi aâm löïc cöôøng 力 強: hai thanh bình khöù ñeàu thoâng duïng.

Truø tröôùng (惆 悵). Ngöôïc laïi aâm treân laø saéc chu 敕 周. AÂm döôùi laø saéc löôïng 敕 亮. Quaûng Nhaõ cho raèng: Truø (惆) laø ñau khoå. Thuyeát Vaên

cho raèng: Tröôùng laø buoàn baõ, thaát voïng. Sôû Töø cho raèng: Truø tröôùng laø ñau khoå, buoàn raàu. Thieân Thöông Hieät ghi raèng: Truø tröôùng laø thaát chí.

Quaùch Phaùc cho raèng: Truø tröôùng gioáng nhö aùo naõo, hai chöõ ñeàu töø boä taâm 心.

Tuaàn hoaøn ( 巡 環 ). Ngöôïc laïi aâm treân laø tuøy tuaân. Theo Khaûo Thanh cho raèng: tuaân 巡 laø traõi qua. Theo Taû Truyeän cho raèng: Tuaàn

laø bieán khaép. Trònh Huyeàn chuù giaûi saùch Chu Leã cho laø Choã naém giöõ. Lyù Tö cho laø theo xe laø m tuaàn tra. AÂm döôùi laø hoaøn 還 . Coâng Döông Truyeän cho raèng: Hoaøn 環 laø ñi nhieãu quanh.

Baát thuï (不 售). Ngöôïc laïi aâm thôøi chuù 時 咒. Khaûo Thanh cho laø Vaät baùn ra. Chöõ chaùnh xöa nay cho raèng: Thuï 售 laø ñi khaép nôi. Coá Daõ

Vöông cho laø Baùn vaät ra ñöôïc ngöôøi mua laáy giöõ laïi hoaëc ñem ñi goïi laø “Thuï”. Trong vaên kinh vieát töø boä khö 厶 vieát thaønh chöõ thuï 售 laø chaúng ñuùng. Chöõ chaùnh xöa nay vieát töø boä chuy 隹 ñeán boä khaåu 口.

Tröõ laäp (佇 立). Ngöôïc laïi aâm tröø löõ 除 呂. Nhó Nhaõ cho raèng: Tröõ (佇) laø ñöùng laâu. Khaûo Thanh cho raèng: Tröø laø naém giöõ. Chöõ vieát töø boä nhaân 人 thanh tröø 宁 , aâm tröø 宁 ñoàng vôùi aâm treân, hoaëc laø vieát tröø 佇naøy cuõng ñoàng nghóa.

Nhaân tuûy (人 ?). Ngöôïc laïi aâm uûy chuûy. Chöõ thoáng nhaát cho raèng: Chaát môõ trong xöông. Thuyeát Vaên noùi chöõ Tuûy vieát töø boä coát 骨 ñeán chöõ tuøy thanh tænh 省 laø chöõ hình thanh.

Höõu beã ( 右 髀 ). Ngöôïc laïi aâm boä meã 步 米 . Thuyeát Vaên cho laø Xöông ñuøi, baép veá ngoaøi. Chöõ vieát töø boä coát 骨 thaønh ty 卑 thanh tænh 省. Chöõ coå vieát beã 媲, hoaëc laø vieát beã 髀 cuõng thoâng duïng. Trong kinh

vieát chöõ beã 髀 cuõng laø vaên thöôøng hay duøng.

Duïc phaåu ( 欲 剖 ). Ngöôïc laïi aâm phoå khaåu 普 口 . Khaûo Thanh cho raèng: Phaãu laø moå moi ra phaù ra. Vaän Thuyeân Taäp cho raèng: Phaåu laø moå phanh ra. Chöõ vieát töø boä ñao 刀 thanh boä. Ngöôïc laïi aâm tha khaåu

他 口.

# KINH ÑAÏI BAÙT-NHAÕ BA-LA-MAÄT-ÑA QUYEÅN 399

Chi khieân ( 之 愆 ). Ngöôïc laïi aâm aùt yeân 揠 焉 . Khaûo Thanh cho raèng: khieân 愆 laø maát ñi. Thuyeát Vaên cho laø toäi loãi. Chöõ vieát töø boä taâm 心 thanh dieãn 衍, hoaëc laø vieát khieân 岍 naøy ñeàu ñoàng nghóa. Trong vaên kinh phaàn nhieàu vieát töø hai boä thieân 天 vieát thaønh chöõ khieân 岍, cuõng laø vaên thöôøng duøng, hoaëc laø vieát khieân 岍, khieân 岍 ñeàu laø chöõ coå.

Naõn nhieân (? 然 .) Ngöôïc laïi aâm treân laø naõ giaûn 拿 簡 . Phöông Ngoân cho raèng: Naõn laø hoå theïn. Tieåu Nhaõ cho raèng: Vì hoå theïn goïi laø

Naõn Thanh cho laø Maéc côõ xaáu hoã ñoû maët. Theo Töï Thö cho raèng: Chöõ naõn, vieát töø boä xích 赤 ñeán boä phuïc, aâm phuïc thanh dieäc 亦 . AÂm phuïc ngöôïc laïi aâm ni trieån 尼 展 , cuõng vieát töø boä bì 皮 vieát thaønh chöõ naõn, vaên thöôøng duøng.

Höõu quyù sanh taøm ( 有 愧 生 慚 ). Ngöôïc laïi aâm treân laø quyû vò 軌位. Ngöôïc laïi aâm döôùi laø toà haøm 徂 含. Thuyeát Vaên ghi raèng: Chöõ quyù 愧 cuõng gioáng nhö chöõ taøm 慚. Saùch Leã Kyù ghi raèng: Ngöôøi quaân töû

khoâng laáy laø m hoå theïn choã laø coù theå giuùp ñôû cho ngöôøi beänh. ÔÛ nôi ngöôøi khoâng hoå theïn khi giuùp ngöôøi, ñaùng hoã theïn chaêng laø khoâng giuùp gì ñöôïc cho ngöôøi. Quaûng Nhaõ cho raèng: Taøm laø bò sæ nhuïc xaáu hoã. Nhó Nhaõ cho raèng: Quyù cuõng gioáng nhö taøm, hoå theïn, xaáu hoã. Thuyeát Vaên

noùi vieát chöõ quyù 愧, hoaëc laø vieát quyù 瞶, quyù 瞶, hai theå chöõ treân ñeàu laø chöõ coå.

Sang ngaán (瘡 痕). Ngöôïc laïi aâm traéc söông 惻 霜. Vaän Anh Taäp cho raèng: Sang laø veát thöông lôû loeùt ra, hoaëc laø vieát chöõ sang 創 naøy cuõng thoâng duïng, cuõng vieát chöõ sang 倉 naøy cuõng ñoàng. Ngöôïc laïi aâm döôùi laø hoà caên 胡 根 . Töï Thö cho raèng: Veát thöông laø nh roài ñeå laïi seïo goïi laø ngaán 痕 . Thuyeát Vaên cho raèng: Ngaán 痕 laø veát thöông söng leân thaønh caùi seïo. Chöõ vieát töø boä taät thanh caán 艮 . AÂm taät ngöôïc laïi aâm nöõ aùch 女 厄.

Kinh haõi (驚 駭). Ngöôïc laïi aâm treân laø cö anh 居 英. Quaûng Nhaõ cho raèng: Kinh laø noåi leân. Thuyeát Vaên cho raèng: Con ngöïa sôï haõi nhaûy choàm leân. Ngöôïc laïi aâm döôùi laø haøi bieàn 諧 駢. Thieân Thöông Hieät cho

laø con ngöïa sôï haõi giöït mình. Quaûng Nhaõ cho laø nhaûy choàm leân. Thuyeát Vaên noùi chöõ vieát töø boä maõ 馬 thaønh hôïi.

Nhaát haøm ( 一 函 ). Ngöôïc laïi aâm ( 霞 緘 ) haø giam. Töï Thö cho raèng: Saùch vôõ quaù nhieàu, vaät duïng quaù nhieàu. Naøy ngöôøi ta goïi laø Haøm

thö, bieåu thò haøm laø bao goàm v.v….

Nhaãm nhieãm (荏 苒). Ngöôïc laïi aâm nhi chaãm 而 枕. Khaûo Thanh cho laø loaïi coû töông toát sum sueâ, meàm maïi, cuõng chæ cho thôøi gian daàn

daàn troâi qua. Bôûi vaäy trong kinh cho raèng: Thôøi gian traõi qua goïi laø nhaãm nhieãm. Trong kinh vieát chöõ nhieãm 苒 laø vaên thöôøng duøng.

# KINH ÑAÏI BAÙT-NHAÕ BA-LA-MAÄT-ÑA QUYEÅN 400

Khoâng haàu (箜 篌). AÂm treân laø khoâng 空, aâm döôùi laø haàu 侯, laø moät loaïi ñaøn coå goàm hai möôi laêm daây. Giaûi thích teân goïi laø Ngöôøi nhaïc só, vui theo tieáng ñaøn uûy mò, laõ löôùt theo, roài môùi baøy ra troø soâng boäc nöông daâu, treân trôøi döôùi ñaát maø che ñaäy, caùc haàu thieáp cuûa vua cuõng giöõ toàn taïi nhö. Cho neân ngöôøi thaày ñaùnh ñaøn cuoán theo ñieäu nhaïc, phoå ra aâm: Bình, coâng, coå, hoøa theo tieáng troáng. Trònh Veä cho raèng: Phaân ra kim, moäc, thuûy, hoûa, thoå maø coù, laàn laàn theo hieäu aâm cuûa Trònh Veä goïi laø daâm laïc. Nghóa laø vui theo daâm duïc, truïy laïc.

Tao caûnh ( 槽 頸 ). Ngöôïc laïi aâm treân laø taïo lao 造 勞 . Ngöôïc laïi aâm döôùi laø kinh tænh 經 井. Töùc laø tao caûnh cuûa ñaøn Khoâng haàu vaø haïng muïc cuûa ñieäu ñaøn.

Thaèng aûo (繩 媼) Ngöôïc laïi aâm thöôøng nhöng 常 仍. Khaûo Thanh cho raèng: Sôïi daây to voán laø sôïi daây ñeå laø m naåy möïc laø m chuaån cuûa ngheà thôï moäc. Toáng Trung cho laø Caùc pheùp taéc chuaån möïc cuûa caùc quan ñaïi thaàn thôøi vua Thuaán. Thaèng laø sôïi daây, cho neân laáy sôïi daây

thaúng. Quaûng Nhaõ cho laø Sôïi daây thaúng. Thuyeát Vaên cho laø Sôïi daây to. Chöõ vieát töø boä mòch 糸 aâm mòch 覓 , ñeán chöõ thaèng 繩 thanh tænh 省 . Ngöôïc aâm döôùi laø bieän kieát 忭 鮚. Khaûo Thanh cho raèng: AÂm aõo ngöôïc laïi aâm aùch giao 厄 絞 . Ñoã Döï chuù giaûi Taû Truyeän raèng: Tay caàm vaät. Trong vaên kinh vieát beà 鎞, cuõng thoâng duïng. Trònh Huyeàn chuù giaûi saùch

Thöôïng Thö Ñaïi Truyeän raèng: Beà 鎞 laø ñaåy vaät ra, aâm thoâi 推 , ngöôïc laïi aâm tha loâi 他 雷. Quaûng Nhaõ cho raèng: Boà leä töùc laø khoùc, chuyeån töø töø, hoaëc vieát töø boä caân 巾 vieát beà, cuõng thoâng. Thuyeát Vaên noùi töø boä thuû 手 thanh bí 祕.

Phuïng chuùc (奉 屬). Ngöôïc laïi aâm treân laø baèng duõng 馮 勇. Thuyeát Vaên cho laø Phuïng thöøa, vaâng laø m. Chöõ vieát töø boä 廾 cuõng aâm cuõng 拱, töø boä phong 丰 thanh phong 丰 , aâm phong 丰 laø aâm phong. Ngöôïc laïi aâm döôùi laø chung duïc 鍾 欲. Ñoã Döï chuù giaûi Taû Truyeän raèng: Chuùc (屬)

laø phoù thaùc. Trònh Huyeàn chuù giaûi saùch Leã Kyù raèng: Chuùc laø buoäc vaøo. Thuyeát Vaên cho laø Lieân heä. Chöõ vieát töø boä vó 尾 thanh thuïc 蜀 . Trong vaên kinh vieát chöõ chuùc 屬 naøy vaên thöôøng hay duøng laø sai.

AÅn teá (隱 蔽). Ngöôïc laïi aâm treân laø aân caån 殷 謹. Quaûng Nhaõ cho raèng: AÅn laø che laáp. Ích Phaùp cho raèng: Trong loøng mong nhôù khoâng döùt

goïi laø aån. Bao Haøm chuù giaûi saùch Luaän Ngöõ cho laø Troán traùnh. Khaûo Thanh cho laø AÅn giaáu. Thuyeát Vaên cho laø AÅn, cuõng gioáng nhö chöõ teá.

Theo chöõ aån 隱 thanh phuï ⻖, aån laø che khuaát, chìm xuoáng. Quaûng Nhaõ cho laø Che ñaäy, aån giaáu beân trong. Nhó Nhaõ cho laø Boû troán, aån naùo.

Quaùch Phaùc cho raèng: Teá laø che giaáu beân ngoaøi. Thuyeát Vaên cho laø loaøi coû nhoû nhít. Chöõ vieát töø boä thaûo 草 thanh teá 蔽 . AÂm teá ngöôïc laïi aâm tyø dueä 毘 袂.

Luy lieät (羸 劣). Ngöôïc laïi aâm treân laø löïc truy 力 追. Khaûo Thanh cho raèng: luy laø raát oám yeáu. Thuyeát Vaên cho raèng: Bò lieät gaân thòt meàm nhuõn khoâng theå cöû ñoäng ñöôïc. Chöõ vieát töø boä döông 羊 thanh luy 羸 . AÂm luy ngöôïc laïi aâm löïc ngoïa. Ngöôïc laïi aâm döôùi laø löïc xuyeát 力 輟

. Goïi laø lieät töùc laø meàm yeáu. Chöõ vieát töø boä thieåu 少 thanh löïc 力, laø

chöõ

hoäi yù. AÂm nghóa kinh quyeån thöù ba ôû tröôùc, quyeån moät traêm taùm möôi moát ñaõ giaûi thích ñaày ñuû.

Saùi ñòa (灑 地). Ngöôïc laïi aâm sa giaû 沙 賈. Thieân ghi Vaên Ngoïc raèng: Choã mua vaø ngöôïc laïi. Vöông Daät chuù giaûi Sôû Töø raèng: Gioáng nhö röôùi nöôùc döôùi ñaát. Thuyeát Vaên noùi: Ngöôïc laïi aâm sôn yû 山 綺. Chöõ saùi nghóa laø noåi treân maët nöôùc, chöõ vieát töø boä thuûy thanh leä 麗.

Boän ngaõ (坌 我). Ngöôïc laïi aâm boàn muoän 盆 悶. Vaän Anh Taäp cho raèng: boän 坌 laø buïi traàn dô baån. Khaûo Thanh cho laø Buïi baëm taïp loaïn. Thuyeát Vaên cho laø chöõ vieát töø boä thoå 土 vieát thaønh buoän, laø buïi traàn, cuõng töø boä 土 thoå vieát 坌 buoän thanh phaân 分 . Ngöôïc laïi aâm döôùi laø ngaõ 我. Thuyeát Vaên cho laø Töø nôi thaân mình goïi laø ngaõ 我. Chöõ vieát töø boä thuû 手 ñeán boä qua 戈 . Trong vaên kinh vieát töø boä hoøa vieát thaønh chöõ ngaõ 我 laø chaúng ñuùng.

Thuaàn tònh (淳 淨). Ngöôïc laïi aâm treân laø thöôøng luaân 常 倫. Trong vaên kinh vieát chöõ thuaàn 淳naøy laø vaên thöôøng hay duøng. Khaûo Thanh cho

raèng: Thuaàn saïch. Trònh Huyeàn chuù giaûi saùch Nghi Leã raèng: Thuaàn laø töôùi nöôùc. Quaûng Nhaõ cho laø Saïch seõ. Ngöôïc laïi aâm tö töù 玆 四. Thuyeát Vaên noùi cho raèng aâm luïc laø aâm luïc 彔, töø boä thuûy thanh taát, aâm taát laø aâm thuaàn 純.

Quyõ phaïm (軌 範). Ngöôïc laïi aâm qui vi 龜 葦. Khaûo Thanh cho laø Daáu veát cuûa chieác xe. Thuyeát Vaên cho laø Veát baùnh xe. Chöõ vieát töø boä xa 車 ñeán boä quyû 宄thanh tænh 省. AÂm quyû 宄laø aâm quyû 鬼. Ngöôïc laïi

aâm döôùi laø kyû aùm 几黯. Nhó Nhaõ cho raèng: Phaïm 範 laø pheùp taéc, thöôøng

duøng. Khaûo Thanh cho laø moâ phaïm, qui taéc. Thuyeát Vaên cho laø göông soi. Ngöôïc laïi aâm baøn maït 盤 末 . Chöõ vieát töø boä 車 xa ñeán boä phaïm 范thanh tænh 省, hoaëc laø vieát phaïm 笵 naøy cuõng thoâng duïng. AÂm nghóa

kinh quyeån thöù boán möôi saùu ôû tröôùc ñaõ giaûi thích ñaày ñuû.

# KINH ÑAÏI BAÙT-NHAÕ BA-LA-MAÄT-ÑA QUYEÅN 401

Thöùu Phong Sôn (鷲 夆 山). Ngöôïc laïi aâm teà tuï 齊 袖. Trong baøi töïa kinh Thaùnh Giaùo ôû tröôùc ñaõ giaûi thích ñaày ñuû.

Troïng ñaûm (重 擔). Ngöôïc laïi aâm tröïc duõng 直 勇. Ngöôïc laïi aâm 除 用 tröø duïng, hai aâm ñeàu thoâng duïng. Ngöôïc laïi aâm döôùi laø ñam laïm 抌 濫 . Quaûng Nhaõ cho raèng: Ñaûm laø gaùnh vaùc. Khaûo Thanh cho raèng: Duøng caây gaùnh vaät goïi laø ñaûm 擔. Thuyeát Vaên cho laø Duøng tay maø nhaác vaät leân goïi laø ñaûm. Chöõ vieát töø boä thuû 扌 thanh ñaûm. Trong vaên kinh vieát töø boä moäc 木 vieát thaønh ñaûm, aâm 擔 , ngöôïc laïi aâm haõm xaù 陷 舍 .

Chöõ

ñaûm naøy duøng ñoàng nghóa.

Ñaõi ñaéc (逮 得). Ngöôïc laïi aâm ñaøi naïi 臺 耐. Nhó Nhaõ cho raèng: Ñaõi laø ñeán kòp. Vaän Anh Taäp cho raèng: Ñeán kòp luùc. Khaûo Thanh cho raèng: Vieát chöõ ñaõi 逮 cuõng gioáng nhö chöõ ñaéc 得. Nghóa laø ñoàng ñeán

kòp luùc, ñeán tröôùc. AÂm nghóa trong Töï Ñieån noùi raèng: Ñeán ñôøi Ñöôøng.

Thuyeát Vaên cho laø Ñuùng laø vieát chöõ ñaõi laø ñeán kòp. Theo Vaên Töï Taäp Löôïc cho raèng: AÂm laø ñoà naïi 徒 耐, cuõng laø kòp thôøi. Trong kinh vieát luïc 逯 laø chaúng ñuùng. AÂm 逯 luïc laø aâm luïc 綠 . Ngöôïc laïi aâm döôùi laø ñaêng laëc 登 勒 . Khaûo Thanh cho raèng: Ñaéc 得 laø ñaït ñöôïc, cuõng vieát laø ñaéc 得, ñaéc 得 naøy nghóa laø laáy ñöôïc. Thuyeát Vaên cho laø Coù ñi môùi coù ñöôïc.

Chöõ vieát töø boä xöôùc thanh ñaéc. Vaên coå vieát ba ? chöõ theå chöõ ñaéc ñeàu

ñoàng aâm ñaéc 得. Naøy vaên thöôøng hay duøng vieát chöõ ñaéc naøy vieát thaønh chöõ ñaéc 得 naøy laø sai.

Kieàu caàn (翹 勤). Ngöôïc laïi aâm treân laø kyø dieâu 祇 遙. Nhó Nhaõ cho raèng: 翹 kieàu laø nguy hieåm. Khaûo Thanh cho raèng: Kieàu laø veånh leân,

ñöa cao leân. Thuyeát Vaên cho raèng: Loâng daøi treân ñuoâi chim. Chöõ vieát töø boä vuõ 羽 thanh nhieâu. Ngöôïc laïi aâm döôùi laø caän ngaân 近 銀 . Theo Mao Tröôøng Thi Truyeän cho raèng: Caàn 勤 laø lao nhoïc. Khaûo Thanh cho raèng:

Laø m vieäc khoâng bieát moûi meät. Thuyeát Vaên cho laø Lao nhoïc, vaát vaõ. Chöõ vieát töø boä löïc 力 thanh caån 堇 aâm caån 謹. Trong baøi töïa kinh Thaùnh Giaùo tröôùc ñaõ giaûi thích ñaày ñuû roài.

Xöng cô (稱 機). Ngöôïc laïi aâm treân laø xöôùng chöùng 昌 證. Trònh Tieãn chuù giaûi saùch Leã Kyù raèng: Xöùng (稱) laø baèng nhau, bình ñaúng. Vaän

Anh Taäp cho raèng: Xöng laø möùc ñoä. Giaû Quyø chuù giaûi saùch Quoác ngöõ cho laø Möùc ñoä, haïn löôïng, giôùi haïn. Quaùch Phaùc chuù giaûi saùch Nhó Nhaõ cho laø ngöôøi coù yù toát. Theo Vaên Töï Taäp Löôïc cho raèng: Xöng laø bieát

nheï hay naëng. Thuyeát Vaên cho laø Xeùt roõ kyõ caøng. Chöõ vieát töø boä hoøa thanh xöng. AÂm xöng ngöôïc laïi aâm xöôùng chöûng 昌 拯 . Ngöôïc laïi aâm döôùi laø cö y 居 依. goïi khaùc ñi laø xu cô (樞 機) nghóa laø chuû choát, then

khoùa cöûa, cuõng nghóa laø chuû choát cuûa vinh nhuïc. Khoång Thò chuù giaûi saùch Thöôïng Thö cho raèng: Cô laø caùi raêng cuûa daây cung baên ra phaùt ra. Trang Töû giaûi thích laø caây ñöôïc ñuïc ñeûo baøo goït, laø m choát cöûa, cuõng duøng laø m haøng gaøo ngaên caám, phaûi coù trung taâm phaùt ra, cuõng goïi laø boä

maùy phaùt ra, ñoäng cô ñeà phaùt ra. Thuyeát Vaên cho laø laø chuû ñoäng cô phaùt ra goïi laø cô 機, chöõ vieát töø boä moäc 木 thanh cô 幾.

Xaû aùch (捨 軛). Ngöôïc laïi laø aâm ö caùch 於 革. Trong vaên kinh vieát laø aùch 軛, cuõng laø vaên thöôøng duøng. Trong kinh quyeån nhaát tröôùc ñaõ giaûi thích ñaày ñuû roài.

Kham thieäu di duyeät ñaúng töï (堪 紹 怡 悅 等 字). Töø chöõ xaû aùch 捨 軛 veà sau vaø chæ caùc töôùng toát cuûa Ñöùc Nhö lai. Chöõ ñaúng 等 laø thaúng ñeán. Chöõ Nguyeän, haøm, giaùp, ngaïch, xem tröôùc kinh hôn ba möôi chöõ, quyeån ñaàu thöù nhaát ñaõ giaûi thích ñaày ñuû ôû ñaây khoâng thuaät laïi nöõa.

Thaân phaân (身 分). Ngöôïc laïi aâm phuø gian 扶 間. Ngoïc Thieân giaûi thích raèng: Phaân (分) laø chia haïn quaû. Thuyeát Vaên cho laø Phaân bieät. Chöõ vieát töø boä baùt 八 ñeán boä ñao 刀 laø Chöõ hoäi yù.

Hy di (熙 怡). Ngöôïc laïi aâm treân laø hö cô 虛 飢. Ngöôïc laïi aâm döôùi laø dó chi 以 之. Quyeån nhaát ôû tröôùc ñaõ giaûi thích ñaày ñuû.

Cöïc boäc (極 爆). AÂm döôùi laø boå giao 補 交. Quaûng Nhaõ cho raèng: Cöïc noùng. Nhó Nhaõ cho raèng: Rôi ruïng. Khaûo Thanh cho laø Thieâu ñoát

cuõi löûa chaùy döõ doäi. Vaän Anh Taäp cho laø Noå tung ra löûa goïi laø boäc 爆 , aâm thaùc ngöôïc laïi aâm trích giaù 摘 稼 . Thuyeát Vaên cho laø Boäc laø hung ñoát. Chöõ vieát töø boä hoûa thanh boäc 暴 . Nay laïi noùi raèng: AÂm baïo 暴 , ngöôïc laïi aâm boå maïo 蒲 冒. Quyeån nhaát ôû tröôùc ñaõ giaûi thích.

Tín nhuyeãn (信 耎). Ngöôïc laïi aâm treân laø taây teá 西 祭. Khoång An Quoác chuù giaûi saùch Thöôïng Thö cho laø Nhoû beù. Thuyeát Vaên cho laø raát nhoû beù, suy yeáu. Chöõ vieát töø boä mòch 糸 thanh tín 囟. AÂm mòch 糸 laø aâm

mòch 覓, aâm tín 囟 laø aâm tín 信. Ngöôïc laïi aâm döôùi laø nhi xung 而 充. Caùc saùch vieát chöõ 要 yeáu laø chöõ nhuyeãn 耎 laø yeáu meàm, nhu nhöôïc. Chöõ vieát töø boä 而 nhi ñeán boä hoûa, vieát 耎 nhuyeãn. Trong vaên kinh vieát töø boä 車 xa vieát 軟 nhuyeãn naøy laø chaúng ñuùng. Trong quyeån thöù nhaát tröôùc ñaõ

giaûi thích ñaày ñuû roài

Manh giaû 盲 者 , ngöôïc laïi aâm maïc canh 莫 庚 . Trònh Chuùng giaûi thích raèng: Khoâng coù maét, goïi laø muø loøa, cuõng goïi laø manh. AÂm giao 交ngöôïc laïi aâm toâ taåu 蘇 走. Nghóa laø muø loøa. Thuyeát Vaên cho raèng: Nghóa laø coù con maét maø khoâng coù con ngöôi goïi laø muø. Chöõ vieát töø boä muïc 目thanh vong 亡 . Laïi giaûi thích chöõ vong 亡 , vong 亡 gioáng nhö laø chaïy troán. Chöõ vieát töø boä nhaân 人 ñeán boä aát 乙 laø aån 隱 , aån gioáng nhö troán traùnh. Ngöôøi ôû aån goïi laø vong 亡 . Trong vaên kinh vieát chöõ vong 亡 naøy laø chaúng ñuùng. Trong kinh quyeån thöù nhaát tröôùc ñaõ giaûi thích ñaày ñuû.

Lung giaû ( 聾 者 ). Ngöôïc laïi aâm loäc ñoâng 祿 東 . Taû Truyeän cho raèng: Tai khoâng nghe ñöôïc, hoøa ñieäu cuûa naêm aâm thanh goïi laø lung, töùc laø ñieác. Ñoã Döï cho raèng: Lung laø toái taêm, hoaëc vieát chöõ lung 聾 .

Thieân Thöông Hieät cho laø Coù tai maø khoâng nghe ñöôïc. Thuyeát Vaên cho laø Khoâng nghe thaáy gì goïi laø lung. Chöõ vieát töø boä nhó 耳 thanh long 龍. Trong kinh quyeån thöù nhaát ñaõ giaûi thích ñaày ñuû roài.

Naêng thính (能 聽). Ngöôïc laïi aâm treân laø naõi ñaêng 乃 登. Quaûng Nhaõ cho raèng: Naêng laø ngöôøi coù chöùc vuï. Trònh Huyeàn chuù giaûi saùch Chu Leã cho laø ngöôøi coù nhieàu taøi ngheä. Thuyeát Vaên cho raèng: Naêng laø loaøi thuù döõ thuoäc loaøi gaáu. Theo Taû Truyeän cho raèng: Hoaøng naêng, aâm naêng ngöôïc laïi aâm naõi lai 乃 來. Töùc laø loaøi caàm thuù thuoäc loaïi gaáu.

Loaøi thuù naøy beân trong coù nhieàu naêng löïc vöõng chaéc, cho neân ngöôøi coù nhieàu taøi ngheä ñöôïc goïi laø Hieàn naêng ( 賢 能 ). Thuyeát Vaên noùi chöõ vieát töø boänhuïc 肉 ñeán hai boä chuûy, thanh ñaøi 台 . Ngöôïc laïi aâm döôùi laø theå kính 體 勁 . Saùch Thöôïng Thö cho raèng: Nghe boán naêm vieäc goïi laø

“thính”. Khoång Thò cho raèng xeùt laø chaúng ñuùng. Saùch Chu Leã cho raèng: Laáy naêm aâm thanh ñeå nghe, trong nguïc tuïng caàu tình daân, töùc laø khí, saéc, hình, tai, maét laø naêm caùi nghe. Thuyeát Vaên cho raèng: Tai laéng nghe

töø aâm tröïc tieáp, ñöùc laø töø tai ñeå nhaän bieát, maø nhaän bieát laø aâm thanh. Trong vaên kinh vieát chöõ thính 聽 laø vaên thöôøng duøng.

AÙ giaû ( 亞 者 ). Ngöôïc laïi aâm löu giaû 流 賈 . Khaûo Thanh cho laø mieäng khoâng theå noùi ñöôïc. Theo chöõ aù 亞 ñoù, ngöôøi tuy nghe ñöôïc maø

khoâng theå noùi neân lôøi. Thuyeát Vaên cho raèng thieáu caùi löôõi. Xöa nay chöõ ñuùng cho raèng: AÙ laø caâm. Chöõ vieát töø boä taät 疾, aâm 疒 taät ngöôïc laïi aâm nöõ aùch 女 厄 thanh aù 亞 . Trong vaên kinh vieát töø boä khaåu 口 vieát thaønh chöõ aù 啞 naøy laø chaúng ñuùng, aâm aù 啞 laø aâm aùch 厄. Saùch Chu Dòch cho

raèng: Noùi cöôùi aù aù, ñaây chaúng phaûi nghóa kinh. Quyeån thöù nhaát tröôùc ñaõ giaûi thích ñaày ñuû.

Tænh ngoä ( 醒 悟 ). Ngöôïc laïi aâm tinh tònh 星 淨 . Saùch Quoác Ngöõ ghi raèng: Say maø söïc tænh laáy laø m vui möøng. Giaû Quyø ghi raèng: Boû ñi caùi say goïi laø tænh. Chöõ vieát töø boä daäu 酉 thanh tænh 星.

Haûo tònh (好 淨). Ngöôïc laïi aâm cao baùo 蒿 報.

Huaát nhó Ngöôïc laïi aâm Thieân Thöông Hieät cho raèng: Huaát laø thoát

nhieân noåi leân. Nghieät Toâng cho raèng: Boång nhieân. Thuyeát Vaên cho raèng: Coù choã thoåi noåi leân. Quyeån nhaát ôû tröôùc ñaõ giaûi thích ñaày ñuû.

Nhieãu naõo ( 擾 惱 ). Ngöôïc laïi aâm treân laø nhi chieáu 而 沼 . Khaûo Thanh cho raèng: Nhieãu laø khaáy phaù gaây roái loaïn. Khoång Thò chuù giaûi

saùch Thöôïng Thö laø nhieãu loaïn laø m roái tung leân. Thuyeát Vaên cho laø laø phieàn naõo. Chöõ vieát töø boä thuû 手 ñeán boä öu 憂 , aâm öu 憂 ngöôïc laïi aâm noâ cao 奴 高. Trong vaên kinh vieát töø chöõ öu 憂 vieát thaønh chöõ 擾 nhieãu

laø chaúng ñuùng. Trong quyeån 2 tröôùc ñaõ giaûi thích ñaày ñuû.

# KINH ÑAÏI BAÙT-NHAÕ BA-LA-MAÄT-ÑA QUYEÅN 402

Phong tröôùng nuøng lan thanh öù traùc caûm haøi coát (膿 脹 蜂 爛 青 瘀啄 敢 骸 骨 ). Möôøi chöõ treân xem quyeån kinh thöù ba. Trong quyeån aâm nghóa thöù nhaát tröôùc ñaõ giaûi thích ñaày ñuû, khoâng phieàn noùi laïi.

Yeåm thöïc (厭 食). Ngöôïc laïi aâm y dieâm 伊 焰. Coá Daõ Vöông ghi raèng: Yeåm laø no ñuû. Thuyeát Vaên cho laø Yeåm laø no ñaày. Saùch Leã Kyù cho

raèng: Rieâng mình chí vui khoâng nhaøm chaùn ñoái vôùi ñaïo Phaùp. Thuyeát Vaên noùi chöõ vieát töø boä cam 甘 ñeán boä nhuïc 肉 ñeán boä khuyeån 犬 . Chöõ hoäi yù. AÂm haùn 厂 laø aâm haõn 罕. Trong quyeån 3 tröôùc ñaõ giaûi thích roài.

Saøng thaùp ( 床 榻 ). Ngöôïc laïi aâm treân laø saøi trang 柴 莊 . Quaûng

Nhaõ cho laø duïng cuï nghó ngôi töï an oån. Thuyeát Vaên noùi choã thaân an oån. Chöõ vieát töø boä moäc 木 ñeán boä töôøng 爿 aâm töôøng 牆 . Cuõng coù choã vieát saøng 床 naøy, vaên thöôøng duøng. Ngöôïc aâm döôùi laø thoå ñaùp 土 答 . Thaùp (榻) cuõng laø saøng. Giaûi thích teân goïi laø saøng, laø heïp maø daøi goïi laø thaùp 榻. Kinh quyeån thöù nhaát tröôùc ñaõ giaûi thích ñaày ñuû.

Duïc thieäu ( 欲 紹 ). Ngöôïc laïi aâm thôøi nhieãu 時 遶 . Nhó Nhaõ cho raèng: Thieäu laø noái tieáp theo. Ích Phaùp Löu cho raèng: Töø xa noái tieáp theo söï nghieäp cuûa caùc vò Tieân vöông goïi laø thieäu 紹 . Trong kinh quyeån thöù nhaát ôû tröôùc ñaõ giaûi thích ñaày ñuû.

Phieáu kích (搮 擊). Ngöôïc laïi aâm treân laø thaát dieâu 匹 遙. Mao Thi Truyeän cho raèng: Phieáu laø rôi ruïng, Taäp Huaán Truyeän cho raèng: Phieáu

laø toån thaát. Hoaëc laø vieát töø boä phoäc vieát thaønh chöõ phieáu nghóa tröø boû ñi. AÂm phoäc ngöôïc laïi aâm phoå boác 普卜. Thuyeát Vaên cho laø Phieáu laø ñaùnh goõ. Chöõ vieát töø boä thuû 手 thanh phieâu 票 . AÂm phieâu 票 ngöôïc laïi aâm 必 消 taát tieâu. Trong vaên kinh vieát chöõ phieâu naøy laø chaúng phaûi nghóa

cuûa kinh. Theo Quaùch Phaùc cho raèng: Chöõ phieâu naøy laø gioù xoaùy voøng. Thuyeát Vaên cho laø gioù ñaøn hoài. Töï Thö cho raèng: Gioù thoåi ñong ñöa.

Khang quaùi (糠儈). Ngöôïc laïi aâm treân khaåu töùc 口 即. Quaùch Phaùc giaûi thích raèng: Khang laø voû traáu. Theo Thanh Loaïi chöõ vieát töø boä hoøa ñeán boä meã 米 ñeán chöõ khang 康 thanh tænh 省. Ngöôïc laïi aâm döôùi laø khoâ ngoaïi 枯 外. Thieân Thöông Hieät ghi raèng: Caùi saøng baèng tre. Trong kinh quyeån 3 tröôùc ñaõ giaûi thích ñaày ñuû roài.

Quyeán thuû ( 罥 取 ). Ngöôïc laïi aâm quyù quyeân 癸 娟 . Queá Uyeån Chaâu Toøng cho raèng: Laáy sôïi daây quaán laáy vaät coät laïi giaêng baét laáy vaät goïi laø quyeán, hoaëc vieát quyeán 罥 naøy cuõng ñoàng nghóa. Trong quyeån 3 ôû tröôùc ñaõ giaûi thích ñaày ñuû ôû ñaây khoâng noùi laïi nöõa.

Giaûi ñaõi (懈 怠). Ngöôïc laïi aâm treân laø caùch maïi 革 賣, aâm döôùi laø tuøng naïi 從 奈. Quaûng Nhaõ cho laø bieáng nhaùc. Theo Mao Thi Truyeän

cho raèng: sôm toái nhaùc nhôùm, giaûi ñaõi, ueã oaõi. Theo Töï Thö cho raèng: Giaûi cuõng nhö chöõ Ñaõi. Trong quyeån 3 ôû tröôùc ñaõ giaûi thích chöõ Giaûi roài.

Cöïc taùc (亟 作). Ngöôïc laïi aâm cô löïc 飢 力.

Hung ñaûng (兇 黨). Ngöôïc laïi aâm 許 邕 höùa ung. Khaûo Thanh cho raèng: 兇 hung laø aùc. Thuyeát Vaên noùi chöõ vieát töø boä nhaân 人 ôû trong chöõ hung 凶. Ngöôïc laïi aâm döôùi laø ñöông laõng 當 朗. Khaûo Thanh cho raèng: Ñaûng laø loaïi. Trong kinh quyeån 4 tröôùc ñaõ giaûi thích roài hai chöõ.

Khoâi quaùi (魁 膾). Ngöôïc laïi aâm khoå khoâi 苦 魁. Khoång Thò cho raèng: Khoâi (魁) laø töôùng soaùi. Quaûng Nhaõ cho raèng: Laø chuû. Trònh

Huyeàn chuù giaûi saùch Leã Kyù cho laø ñöùng ñaàu. Vöông Daät chuù giaûi saùch Sôû Töø cho laø ngöôøi lôùn. Ngöôïc laïi aâm döôùi laø khoå ngoaïi 苦 外 . Quaûng Nhaõ cho raèng: Quaùi (膾) laø caét ra. Theo chöõ quaùi laø ngöôøi chuyeân gieát

gieát moå, caùc con vaät, caét laày thòt thì goïi laø “khoâi quaùi”. Thuyeát Vaên noùi chöõ vieát töø boä quæ ⿁thanh ñaáu 斗. Trong kinh quyeån 4 ôû tröôùc ñaõ giaûi thích hai chöõ ñaày ñuû.

Thuyeân tröø ( 痊 除 ). Ngöôïc laïi aâm treân laø thaát toaøn 七 全 . Khaûo Thanh cho raèng: Beänh daàn daàn khoûi goïi laø thuyeân 痊. Quaùch Töôïng chuù giaûi saùch Trang Töû cho raèng: heát beänh goïi laø thuyeân.

*(Quyeån 403 khoâng coù aâm ñeå giaûi thích.)*

# KINH ÑAÏI BAÙT-NHAÕ BA-LA-MAÄT-ÑA QUYEÅN 404

Voâ khuyeát ( 無 缺 ). Ngöôïc laïi aâm khuyeån duyeät 犬 悅 . Thieân Thöông Hieät giaûi thích raèng: khuyeát 缺 laø thieáu, loã voán. Thuyeát Vaên cho laø Duïng cuï chöùa bò phaù vôõ. Chöõ vieát töø boä phöõu 缶 ñeán boä quyeát 決thanh tænh 省.

Chu laõm ( 周 覽 ). Ngöôïc laïi aâm lai caûm 來 敢 . Khaûo Thanh cho raèng: Ñaõ traõi qua xem xeùt kyõ löôõng khaép heát goïi laø laõm.

Manh minh 盲 溟 Ngöôïc laïi aâm maïc tinh 莫 并 . Khaûo Thanh cho laø Toái taêm u aùm. Thuyeát Vaên cho laø Chöõ minh vieát töø boä nhaät 日 ñeán boä mòch 冖 ñeán boä luïc 六. AÂm mòch 冖 laø aâm mích 覓. Phaøm soá möôøi ngaøy

trong thaùng, ñeán ngaøy möôøi saùu laø maët traêng baét ñaàu khuyeát daøn daàn, neân trôû thaønh u toái. Cho neân chöõ vieát töø boä nhaät 日 ñeán boä luïc 六. Theo Quaùch Caûnh Thuaàn cho raèng: minh 明 laø toái. Trong kinh phaàn nhieàu vieát töø chöõ cuï 具 ñeán boä mieân vieát thaønh chöõ minh laø chaúng ñuùng. Trong kinh quyeån taùm tröôùc ñaõ giaûi thích chöõ 俱 ñaày ñuû roài.

Traïo cöû (棹 舉). Ngöôïc laïi aâm treân laø ñình ñình ñieáu 亭 吊. Vaän Anh Taäp cho raèng: Traïo (棹) laø lay ñoäng. Quaûng Nhaõ cho laø Chaán ñoäng. Khaûo Thanh cho laø Lay ñoäng. Hoaëc vieát chöõ tieâu 杓. Ngöôïc laïi aâm döôùi laø khöông ngöõ 薑語. Thuyeát Vaên cho raèng: Chöõ vieát töø boä thuû 手 thanh döõ 與. Trong kinh quyeån taùm ôû tröôùc ñaõ giaûi thích ñaày ñuû roài.

Sôn nhai (山 崖). Ngöôïc laïi aâm nha giai 牙 皆. Thuyeát Vaên cho laø Nuùi cao coù vaùch. Trong quyeån chín ôû tröôùc ñaõ giaûi thích.

Nhö lieäu (如 燎). Ngöôïc laïi aâm löïc ñieáu 力 吊. Theo saùch Leã Kyù

cho laø Caây neán tröôùc saân goïi laø lieäu.

Vaán ma ( 抆 摩 ). Ngöôïc laïi aâm vuõ phaàn 舞 紛 . Quaûng Nhaõ cho raèng: Vaán ( 抆 ) laø lau chuøi. Sôû Töø cho raèng: Trong ñoaïn vaên Coâ Töû ngaâm, maø lau leä. Xöa nay chöõ ñuùng vieát laø chöõ vaán 抆, töø boä thuû 手

thanh vaên 文. Hoaëc vieát laø hoân 惛 xem trong Khaûo Thanh.

Haán taâm (釁 心). Ngöôïc laïi aâm höông caân 香 靳. Theo Taû Truyeän cho raèng: quaùn saùt maø haønh ñoäng. Ñoã Döï chuù giaûi raèng: Haàn laø toäi aùc. Khaûo Thanh cho laø Hieàm khích tranh chaáp, hoaëc vieát laø haán 璺 chöõ coå. Trong vaên kinh cho chöõ haán 舋 naøy laø vaên thöôøng duøng. Trong kinh quyeån chín ôû tröôùc ñaõ giaûi thích ñaày ñuû.

# KINH ÑAÏI BAÙT-NHAÕ BA-LA-MAÄT-ÑA QUYEÅN 405

Taâm khoaûnh ( 心 頃 ). Ngöôïc laïi aâm khuy leä 窺 隸 . Khaûo Thanh cho raèng: Khoaûnh töùc laø choïn löïa khoaûng thôøi gian ít nhaát.

Baát khöùu (不 嗅). Ngöôïc laïi aâm höùa cöùu 許 救. Thuyeát Vaên cho laø Duøng muõi maø ngöûi hôi goïi laø khöùu. Quyeån chín ôû tröôùc ñaõ giaûi thích

ñaày ñuû.

# KINH ÑAÏI BAÙT-NHAÕ BA-LA-MAÄT-ÑA QUYEÅN 406

Giaû danh ( 假 名 ). Ngöôïc laïi aâm canh nhaõ 耕 雅 . Töï Thö cho laø Khoâng chaân thaät. Khaûo Thanh cho laø nguïy taïo, laø giaû.

Ñaàu caûnh (頭 頸). Ngöôïc laïi aâm kinh dónh 經 郢. Vaän Thuyeân Taäp cho laø Phaàn cuûa caùi ñaàu. Thieân Thöông Hieät cho raèng: Phía tröôùc goïi

laø coå, phía sau goïi laø haïng (laø gaùy). AÂm nghóa kinh quyeån 2 ôû tröôùc vaø quyeån 11 Kinh Ñaïi baùt nhaõ coùgiaûi thích ñaày ñuû.

*(Quyeån 407 khoâng coù aâm ñeå giaûi thích.)*

# KINH ÑAÏI BAÙT-NHAÕ BA-LA-MAÄT-ÑA QUYEÅN 408

AÙch thuû (軛 取). Ngöôïc laïi aâm oâ caùch 烏 革. Töï Thö cho raèng: AÙch laø ngaên laïi, laø laáy daây buoäc aùch.

Baûo khieáp (寶 篋). Ngöôïc laïi aâm khinh giaùp 輕 頰. Vaên Töï Taäp Löôïc cho laø Loaïi röông chöùa ñoà ñaïc. Xöa nay chöõ ñuùng goïi laø caùi röông,

caùi hoøm laø m baèng tre. Vaän Anh Taäp cho raèng: Caùi röông, thuøng chöùa trong xe, voán vieát laø haïo 昊, nghóa laø caùi hôïp, nay coäng theâm boä truùc 竹.

Saùch Chu Leã cho raèng: Chöùa nhieàu ñoà ñaïc maø kín ñaùo. AÂm giam 椷 laø aâm haøm 咸. AÂm nghóa quyeån thöù ba tröôùc vaø quyeån moät traêm taùm möôi hai daõ giaûi thích ñaày ñuû chöõ khieáp 篋.

Nhöôïc giaûm (若 減). Ngöôïc laïi aâm canh traûm 耕 斬. Theo Haøn Thi Truyeän cho raèng: Giaûm thieåu laø ít nhaát. Ñoã Döï chuù giaûi Taû Truyeän raèng: Giaûm laø hao toån. Laïi laø aâm haønh lam 行 籃, cuõng thoâng duïng.

Caät ngoân ( 詰 言 ). Ngöôïc laïi aâm xí caùt 企 吉 . Trònh Chuùng chuù giaûi saùch Leã Kyù raèng: 詰 laø hoûi, xeùt hoûi, hoûi cho roõ, tra hoûi ngöôøi coù toäi.

Quaûng Nhaõ cho laø Traùch phaït, chæ trích.

# KINH ÑAÏI BAÙT-NHAÕ BA-LA-MAÄT-ÑA QUYEÅN 409

Tröng caät (徵 詰). Ngöôïc laïi aâm treân laø traéc laêng 陟 陵. Ngöôïc laïi aâm döôùi laø xí caùt 企 吉.

Haønh töôùng (行 相). Ngöôïc laïi aâm treân laø haï maõnh 下 孟. Ngöôïc laïi aâm döôùi laø töùc löôïng 息 亮.

Kieän haønh (健 行). Ngöôïc laïi aâm treân laø cöï kieán 渠 建. Saùch Chu Dòch cho raèng: Raát cöùng raén. Thuyeát Vaên cho laø Raát cöùng coûi. AÂm khaõn 侃 ngöôïc laïi aâm khoå laõng 苦 浪. Vöông Baät cho laø Söùc maïnh khoâng

ngöøng nghó, thöôøng khoûe maïnh. Trong kinh quyeån 41 ôû tröôùc ñaõ giaûi

thích ñaày ñuû.

Baát huyeãn (不 眩) Ngöôïc laïi aâm huyeàn quyeán 玄 絹. Vöông Daät chuù giaûi saùch Sôû Töø cho laø ñöa maét nhìn. Khaûo Thanh cho laø maét chuyeån ñoäng. Thuyeát Vaên cho raèng: Maét lieác qua lieác laïi. Chöõ vieát töø boä muïc

目, thaønh huyeãn 幻. Trong kinh vieát chöõ 幻 naøy laø sai. Ngoïc Thieân giaûi thích raèng: Gioáng nhö ngaøy nay ngöôøi ta ra daáu hieäu baèng maét, maø

SOÁ 2127 - THÍCH THÒ YEÁU LAÕM, Quyeån Thöôïng 33

thaønh lôøi goïi laø huyeãn, voán vieát chöõ huyeãn 幻 . Vi Hoaèng vieát chöõ ñeàu thoâng duïng. AÂm nghóa kinh quyeån 2 ôû tröôùc vaø quyeån 41 Ñaïi baùt nhaõ ñaõ giaûi thích ñaày ñuû roài.

Haø khích (瑕 隙). Ngöôïc laïi aâm treân laø ? 加 Trònh Huyeàn chuù giaûi saùch Leã Kyù raèng: Haø (瑕) laø vieân ngoïc coù tyø veát. Quaûng Nhaõ cho raèng:

Haø laø vieân ngoïc bò nöùt. Ngoïc Thieân cho raèng: Haø laø vieân ngoïc nhôùp, dô baån. Ngöôïc laïi aâm döôùi laø höông nghòch 鄉 逆 . Thuyeát Vaên cho raèng: Böùc töôøng che coù loå hôõ. Chöõ vieát töø boä phuï ⻖, boä höïu 又, ñeán boä baïch 白 treân döôùi boä tieåu 小. AÂm phuï ⻖laø aâm phuï 負. Trong kinh vieát chöõ saøo 巢 laø sai. Trong quyeån kinh boán möôi ôû tröôùc ñaõ giaûi thích ñaày

ñuû.

EÁ aùm ( 翳 暗 ). Ngöôïc laïi aâm anh keá 纓 計 . Phöông Ngoân cho laø

maét bò beänh. Vaän Anh Taäp cho laø Bò ngaên che. Theo Quaûng Nhaõ cho laø Bò chöôùng ngaïi.

Thuyeát Vaên cho raèng: Bò hoa maét, ngaên che.

Saøo huyeät ( 巢 穴 ). Ngöôïc laïi aâm saøi dieâu 柴 遙 . Theo Mao Thi Truyeän cho raèng: Chæ coù oå chim khaùch. Thuyeát Vaên cho raèng: Con chim

ñang ñaäu treân caây. Trònh Chuùng chuù giaûi saùch Leã Kyù raèng: Caùi oå chim ôû treân cao laø chöõ töôïng hình. Trong kinh töø boä quaû 果 vieát thaønh saøo 巢 laø sai. Ngöôïc laïi aâm döôùi laø huyeàn huyeát 玄 血. Thuyeát Vaên cho laø Thoå thaát (土 室) dòch laø Thôøi thöôïng coå choã ôû laø trong hang, maø ôû ngoaøi

hoang daõ. AÂm nghóa kinh quyeån 2 ôû tröôùc vaø quyeån 41 Ñaïi baùt nhaõ coù giaûi thích ñaày ñuû.

Phieáu xí (嘌 幟) Ngöôïc laïi aâm treân laø taát dieâu 必 遙. Ngoïc Thieân

cho raèng: Phieâu laø ñöa leân cao, cuõng goïi laø taám bieån veõ, baûng hieäu, bieåu hieän cho ngöôøi

ta bieát. Vaän Thuyeân Taäp cho laø Döïng ñöùng leân laø m kyù hieäu, cuõng goïi laø nôi choã. Khaûo Thanh cho laø Côø treo treân ñaàu. Thuyeát

Vaên cho laø treân ngoïn caây. Chöõ vieát töø boä moäc 木 thanh phieâu 票 , aâm phieâu 票 ngöôïc laïi aâm taát tieâu 必 消 . Hoaëc vieát töø boä caân 巾 vieát thaønh chöõ phieâu cuõng ñoàng nghóa. Ngöôïc laïi aâm döôùi laø xæ chí 齒 至 . Theo

Mao Thi Truyeän cho raèng: Xí thaïnh nghóa laø raát ñaày ñuû, traøn ñaày. Ñuùng laø vieát chöõ 幟

naøy laø thuoäc loaïi côø xí treo treân ñeå bieåu thò trang söùc.

Baùt-Nhaõ giaûi thích laø phöôùn, caùi phöôùn. Thuyeát Vaên cho laø chöõ vieát töø boä caân 巾 thanh xí.

■